NĂM THỨ TƯ Số 171 Thứ năm 21 Décembre 1944

# TRI TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI
1 năm 35$00 — 6 tháng 18$00 — 3 tháng 9$00

## MỤC LỤC

* Mấy hội từ thiện đối với nhi-đồng — *Hoa-Bằng*
* Đại Nam dật sự (LII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Con đường Thiên-lý — *Khuông-Việt*
* Đọc sách — *Tiên-Đàm*
* Trở lại chữ « Bội » — *Hòa-Trai*
* Ba người thợ cần mẫn (VIII) — *Lê-Thanh*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXXX) — *Ưng-Hòe*
* Một cuốn sách nói về Khổng-giáo — *Nguyễn-văn-Tố*
* Những ông Nghè triều Lê (CII) — *Ưng-Hòe*
* An tư (tiểu thuyết XXI) — *Nguyễn huy-Tưởng*

0$70

Nhi-đồng Việt-nam ở thế-hệ nay

# Mấy hội từ-thiện ĐỐI VỚI NHI-ĐỒNG

HOA-BẰNG

Vừa nhặt tài liệu vừa viết bài, lại gặp giữa lúc tình thế khó-khăn, hầu hết các hội từ-thiện đều cho trẻ tản cư ở tản nơi xa, rất không tiện cho kẻ cầm bút kiếm được những đầu « chỉ-tiết » cần thiết, cho nên, dưới cái đầu đề này, tôi chỉ có thể tạm kể một vài hội đã làm công - cuộc từ-thiện đối với nhi-đồng.

Ngoài những cơ-quan bảo-dưỡng hài-nhi như Hộ, các bà phước ở phố Sœur Antoine (Hà-nội) và Hội *Dục-anh* (?) ở Nam-kỳ v. v. ra, người ta thường để ý đến hai cơ-quan nuôi trẻ : Hội Bảo-anh ở số 135 phố Hàng Đẫy Rue Duvillier, đối diện với nhà - thương Saint Paul, Hà nội) và Hội Tế-sinh ở phố Lý Thường-Kệt (ngõ Hàng Đũa, Hà-nội). Vậy nay xin kể qua công-việc của hai Hội ấy đã làm phúc cho một số nhi-đồng.

### Hội Bảo-anh
### (Société de protection des enfants annamites)

Để giới - thiệu với các bạn đọc thân mến những việc của Hội Bảo-anh đã làm cho nhi-đồng, tôi xin trích ra đây những đoạn cần-yếu trong thư của ông Giám-đốc Hội ấy đề ngày 4 tháng chạp 1944 đã từ Ngọc-đồng (Hưng yên) gửi lên cho tôi (1).

*« Năm 1922 một ít người có lòng từ-thiện nhân thấy có một đám trẻ con bị ruồng bỏ cả về vật chất lẫn tinh-thần, sống cầu bơ cầu bất ở ngoài đường và sa-ngã vào những việc bất lương như trộm cắp trong thành phố, nên động lòng trắc ẩn, chiêu tập nhau để cứu vớt đám trẻ đáng thương ấy, và đưa chúng ra con đường sáng sủa : Hội Bảo-anh thành lập từ đó do sáng kiến của bà Piglowska và đặt dưới quyền bảo trợ quan Thống-sứ Bắc-kỳ, và cụ Võ-hiển Hoàng trọng Phu bấy giờ Tổng - đốc Hàđông. Các sáng-lập hội-viên thì có : người Pháp : M. M. Le Roy, Le Roy des Barres, Baffeleuj, Jaspare, Deleu, Taupin, Lesterlin, v. v.; người Nam : M. M. Từ Đạm, Nguyễn-năng-Quốc; Nguyễn - Lễ, Mme Đào huống Mai, Ân Liên, v.v.*

*« Nhờ được lòng sốt sắng của các hội-viên, và được các nhà từ-thiện hằng tâm hằng sản vui lòng hưởng ứng, và sau được Chính-phủ nhận thấy là một công cuộc hữu ích, nên ban tiền trợ cấp, Hội Bảo - anh đã xây dựng được một dưỡng-đường, tại phố Hàng Đẫy số nhà 135, có thể nuôi nấng được 200 trẻ em. Ở đấy các trẻ em được sống đầy-đủ và hợp phép vệ-sinh.*

*« Các trẻ được Hội nuôi nấng là những trẻ mồ-côi, vô thừa-nhận, các trẻ các gia đình nghèo khổ quá và đông con, các trẻ con lạc-lõng trong thành phố do sở cảnh sát đưa lên. Hội nhận các trẻ em từ 6 tuổi đến 12 tuổi, và nuôi cho đến năm 17 tuổi. Hội nuôi cả trẻ nam lẫn trẻ nữ. Ở trong nhà Hội, các trẻ được cơm no, áo ấm và được học cho biết chữ quốc ngữ. Trẻ nào thông-minh thì sẽ được cho theo học lên các lớp trên ít thông-minh thì được đi học nghề tại trường Công-nghệ. Hội săn-sóc đến hạnh kiểm của các trẻ em và dạy bảo cho các trẻ em biết điều hay mà theo, biết điều dở mà tránh, và lo cho các trẻ em học lấy một nghề để sau này có thể nuôi thân được và sống làm một người dân lương thiện.*

*« Từ ngày thành lập đến giờ Hội Bảo - anh đã nuôi nấng được hàng ngàn trẻ em mồ côi vô thừa-nhận, hoặc vì gia-đình quẫn-bách. Có người hiện nay chiếm được địa - vị khá - giả trong xã-hội, còn phần đông là sống bằng một nghề lương thiện.*

« . . . . . .

« *Hội cho các trẻ em chạy về ở Ngọc-đồng cách tỉnh lỵ Hưng-yên 11 cây số từ Décembre 1943...* »

**Hội Tế-sinh (2)**

**(Société de bienfaisance)**

Hội Tế-sinh, do cụ Cả Mọc và các bạn đồng-chí xướng suất và tổ-chức, được thành-lập hồi tháng bảy 1931.

Trong điều-lệ hội, khoản thứ nhất có đại thư đặc thư về việc bảo hộ nhi-đồng :

Nhận gửi ở tại một hay nhiều khu giám-thị những trẻ nhà nghèo dưới 6 tuổi trong ban ngày. Nhận cách tính-cờ nuôi dưỡng những trẻ bị bỏ.

Từ đó, theo đuổi mục-đích đã đặt, Hội Tế-sinh làm nhà nuôi trẻ ở phố Lý Thường-Kiệt (Hà-nội) và chi-nhánh ở ấp Phú-ninh (Phúc-yên). Trong ấp này, có trường học cho trẻ con trong hội và công việc nông-phố cho những trẻ do Hội nuôi dưỡng từ bé mà sau lớn lên không thấy cha mẹ chúng đến nhận.

Đại khái nội dung Hội này là thế. Bây giờ ta thử ngó qua công việc thực hành của Hội :

Trong ngôi nhà đồ sộ do Hội xây-cất tại phố Lý-Thường-Kiệt để nuôi trẻ đã tỏ ra có sự ngăn nắp và hợp nghi :

Căn buồng ăn của trẻ có những bộ bàn ghế thấp-thấp xinh xinh vừa tầm trẻ ngồi.

Buồng tắm rửa có hàng dãy vòi máy nước và một dãy chậu xây bằng xi-măng, trên mặt có một lượt khăn mặt đánh dấu số.

Buồng ngủ có hai hạng : hạng cho trẻ nhớn, hạng cho trẻ nhỏ, nhưng giường nào cũng có thành chắn song cho trẻ khỏi ngã.

Buồng học rất đáng chú ý : mỗi trẻ có một chiếc bàn và một chiếc ghế ngồi riêng. Ngoài tranh ảnh và bảng đen này khác là những vật trường học nào cũng có ra, lớp học này có cái đặc-điểm là, theo phương-pháp giáo-dục của nữ sĩ Ý Montessori, có là nhiều học-cụ để rèn luyện cái tính tự-động và mở-mang bản năng của trẻ.

Ngoài ra, phòng phát thuốc, phòng sữa, nhà chơi và sân chơi của trẻ đều rất khả quan.

Phương-diện vệ sinh cho nhi-đồng cũng được Hội này đặc-biệt chú ý. Ta thử đọc ngay cái tờ biên kê « những việc phải làm hằng ngày » mà Hội đã niêm yết trên bảng :

1) Các khăn rửa mặt, mỗi ngày phải giặt một lần ;

2) Bàn ăn phải lau sạch-sẽ sau mỗi bữa ăn ;

3) Mỗi buổi sáng, sau khi trẻ tắm xong, phải quét rửa nhà tắm ;

4) Mỗi sáng, khi trẻ đã dậy, xem trẻ nào đái dầm thì phải giặt chiếu, rửa giường ngay ;

5) Phải bảo trẻ con gửa mặt và tay trước khi ăn cơm ;

6) Thứ năm và chủ nhật, phải rửa các buồng ;

7) Ngày thứ năm, phải giặt chiếu, rửa giường.

Cách đối đãi với trẻ gửi trong Hội ? Hội ra huấn lệnh cho những người giữ việc trông trẻ phải thừa hành theo điều thứ 11 trong nội-lệ mà Hội đã định : « Có đứa trẻ nào ngã đau hay là bị thương thì người coi trẻ thế nào cũng bị lỗi phải phạt, không thể chối bằng cách nào được. *Người coi trẻ không được vì một lẽ nào mà đánh trẻ.* Trẻ nào khó bảo quá thì không nhận nữa ».

Đến đây, chắc các bạn đọc muốn biết số trẻ đã gửi ở Hội Tế sinh từ ngày thành lập đến giờ được là bao nhiêu.

(*Xem tiếp trang 20*)

---

*1) Xin thành-thật cảm tạ ông Giám-đốc Hội Bảo-anh và xin mạn phép ông công bố lá thư này lên mặt báo. Trong thư có đoạn này rất cảm động, vậy xin trích ra đây để kêu gọi tấm lòng từ-mẫu của đồng bào :*

*« Hội Bảo-anh là một trong các công cuộc từ thiện ở xứ này mà mục đích là hàn gắn các vết thương cho xã hội Việt Nam... Biết bao cảnh thương tâm vì thiếu cơm ăn áo mặc ! Nào có thế mà thôi đâu, tình thế này còn làm tê dại cả biết bao người hằng tâm hằng sản ; cho nên trước cái thời buổi gạo chân củi quế này, Hội Bảo anh cũng gặp nhiều trở lực lớn lao... Vậy tôi lên tiếng khêu gợi mối từ tâm của nhiều người thừa tiền mà không biết dùng làm gì, nên nghĩ đến cảnh khốn khổ của một số nhiều người mình đang quằn quại trong tình thiếu, mà ra tay giúp đỡ đồng bào. »*

*(2) Bữa 12 tháng chạp 1944, tôi thân đến lấy hội quán Tế sinh để nhật tài liệu, nhưng khi tới nơi thì thấy nhà im trẻ vắng, chỉ có mấy vị sư lăng ra tiếp ứng tôi. Hỏi ra mới biết vì nay gặp lúc cần phải tản cư, nên cụ Chánh Hội-trưởng đã lên ấp Phú-ninh trông nom việc nông để cung cấp của ngoài sinh lực cho Hội ; còn trẻ trong hội thì gửi vào trường học ông Nguyễn-Hữu-Khu ở chùa Tế độ gần tỉnh lỵ Hà-đông. Tôi liền viết thư xin lỗi ông Hoàng Đạo Thúy là một yếu nhân của Hội, rồi nhờ hai vị sư đứng chứng kiến, tôi ghi lấy một vài điều cần thiết về việc Hội với chút thì giờ gấp rút và những động-tác vội-vàng. Vậy trong bài này có gì sơ-suất, lỗi mỗ, xin các bạn thân mến lượng tình, thứ cho.*

# ĐẠI NAM ĐẠT SỰ

Số 53 *Ứng-hộ* NGUYỄN-VĂN-TỐ

## XXXIII. — Lý Công - Uẩn

Lý Công-Uẩn là người châu Cổ-pháp (nay là huyện Đông - ngàn), lộ Bắc-giang (nay thuộc tỉnh Bắc-ninh). Mẹ là họ Phạm, tục truyền đến chơi chùa Tiêu-sơn (tức chùa Trường-liêu, xã Tiêu-sơn, huyện Yên-phong, tỉnh Bắc-ninh bây giờ), mộng thấy thần cho, rồi có thai: Xem dưới này chép có anh, có chú, thì có lẽ tục truyền, không đúng.

Ngày 12 tháng hai năm giáp-tuất (974) là năm thứ năm hiệu Thái-bình đời Đinh Tiên-hoàng, bà họ Phạm sinh ra Lý-Công-Uẩn. Năm lên ba, bà ẵm đến nhà Lý Khánh-Vân, là sư chùa Cổ - pháp (ở xã Đình-bảng, huyện Đông-ngàn, tỉnh Bắc-ninh bây giờ). Khánh-Vân nuôi làm con nuôi, nên lấy họ là Lý.

Lúc nhỏ Công - Uẩn là « người thông-minh dĩnh-ngộ, trạng - mạo khô - kỳ », đến học sư chùa Lục-tổ là Vạn Hạnh, Vạn - Hạnh trông thấy lấy làm quí-trọng, nói rằng: « Người này không phải tầm thường, đến tuổi cường-tráng, tất làm nổi những việc phiền-kịch mà làm vua thiên-hạ ». Thật vậy, khi lớn lên, Công-Uẩn khảng - khái có chí-khí, không chăm việc làm ăn, chỉ ham xem kinh sử. Trong đời Ứng thiên (1005) theo Lê Trung tông: khi Trung - tông bị hại, Long - Đĩnh thăng làm tả-thần-vệ đô-ủy-tiền chỉ-huy-sứ.

Tháng mười năm kỷ-dậu (1009), ngày tân-hợi, Lê Long - Đĩnh mất. Cách một hôm, đến ngày thứ ba là ngày quý - sửu. Công - Uẩn do bọn hữu điện-tiền là Nguyễn-Đề và chỉ-hậu là Đào-cam-Mộc hợp mưu với bách quan, tôn Công-Uẩn lên làm vua, đổi niên-hiệu là Thuận-thiên.

Khi đã lên ngôi, tức cùng năm ấy (1009), truy phong cha làm Hiển khánh-vương, mẹ làm Minh-đức thái-hậu. Rồi lập sáu hoàng-hậu, duy đích phu-nhân được phong làm Lập-giáo hoàng-hậu, qui-chế đi xe và phục-dụng được hơn các cung. Lập con lớn là Phật - mã làm hoàng - thái - tử. Phật - mã là « người thiên - tư dĩnh - ngộ, tinh thông sáu nghệ và thao lược ». Lúc nhỏ cùng với các trẻ con chơi, thường bắt các trẻ giả làm các quan theo hầu. Công-Uẩn nói đùa rằng: « Con nhà tướng thì nên luyện tập việc quân - lữ, chú tập lối các quan theo hầu làm gì? ». Phật-mã thưa rằng: « Nhà Lê thay nhà Đinh, chẳng phải là nhà tướng ư? Hễ giỏi cho thì được ». Công-Uẩn lấy làm kỳ-dị, cho nên khi được làm vua, lập Phật-mã làm thái-tử, còn các con khác đều phong tước hầu tất cả. Mười ba người con gái thì phong làm công - chúa. Phong cho anh làm Vũ-uy-vương, phong cho chú làm Vũ-đạo - vương, con Vũ-uy-vương là Trung - Hiển làm thái-uý, con Dực-thánh-vương (con thứ Công-Uẩn) làm phó tổng-quản. Đào-cam-mộc có công tôn-phò được phong làm nghĩa-tín hầu, gả con gái lớn là An-quốc công-chúa. (*Khâm-định việt-sử*, q. 2, tờ 7a đến 8b và *Đại-việt sử-ký, toàn-thư*, q. 2, tờ 1a).

Lại cho Trần - Cảo làm tướng-công, Ngô - Đình làm xu-mật-sứ, Đào-thạc-Phụ làm thái-bảo, Đặng-văn-Hiếu làm thái-phó, Phí xa Lỗi làm tả-kim-ngô, Vệ-Trúc làm hữu-kim-Ngô, Đàm-Thần làm tả-vũ vệ, Đỗ-Giản làm hữu-vũ vệ, còn bao nhiêu đều cho theo chức cũ (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 1, tờ 34b).

Cùng năm ấy ban y - phục cho các tăng-đạo.

Sang tháng hai năm sau là năm thứ nhất hiệu Thuận thiên (1010) của Lý Công-Uẩn tức Lý Thái-tổ, Công Uẩn về châu Cổ-pháp là nơi quê quán khi còn nhỏ có lăng thái-hậu ở đấy, đến yết sơn-lăng, rồi sai quan hữu - ty đo đất, lấy vài mươi dặm làm cấm-địa. Nhân ban tiền và lụa cho những kỳ-lão trong châu. Công-Uẩn nghĩ rằng: « lập quốc phải trước định đô », vì kinh-đô cũ của Đinh, Lê ở Hoa-lư, tuy núi bốn bên như vách dựng, có địa-thế hiểm, nhưng mà chật hẹp, không phải chỗ trung-đô, nên muốn thiên đi chỗ khác, tay viết bài chiếu dụ quần thần rằng:

« Ngày xưa từ nhà Thương có nước (1766 trước T. C.) đến vua Bàn-canh (1358 tr. T. C.) năm lần thiên đô; nhà Chu có nước (1122 tr. T. C.) đến vua Thành-vương (1109 tr. T. C.) ba lần đổi kinh đô, há phải mấy ông vua đời Thương, Chu ấy, theo ý riêng của mình mà dời đổi còn đâu, chỉ vì mưu toan nghiệp lớn ở yên trong giữa nước, để làm cái kế cho con cháu ức muôn đời. Trên kính mệnh giời, dưới theo chí dân, nếu có tiện thì đổi, cho nên quốc-tộ được lâu dài, phong-tục được

giàu thịnh. Thế mà nhà Đinh nhà Lê lại theo ý riêng mình, nhân mệnh giời, cẩu-thả theo dấu nhà Thương, nhà Chu, tạm yên ấp ấy, đến nỗi ngôi nước không lâu dài, tuổi thọ ngắn ngủi, trăm họ hao tổn, muôn vật thất nghi, Trẫm rất thương xót, không thể nào không thiên đô. Huống chi kinh-đô cũ của Cao-Biền là thành Đại-la, ở giữa khu vực giới đất được cái thế rồng bò hổ giữ, đông tây nam bắc chính ngồi, tựa núi ngảnh sông thuận-tiện, rộng-rãi bằng-phẳng, cao ráo sạch-sẽ, dân cư không bị nạn tối tăm, muôn vật đều được tươi tốt: Khắp xem nước Việt, chỗ ấy là thắng-địa, thực là chỗ bốn phương như bánh xe tụ họp, làm một nơi thượng-đô cho muôn đời. Trẫm muốn nhân địa lợi ấy, để định chỗ ở. Các ngươi bàn định thế nào ? »

Quần-thần đều nói rằng : « Bệ-hạ vì thiên-hạ làm kế lâu dài, trên làm cho đế-nghiệp được rộng lớn, dưới làm cho dân nước được giàu-thịnh. Được lợi như thế, ai dám không theo ? » Công-Uẩn bằng lòng lắm.

Đến mùa thu tháng bảy năm ấy, Công-Uẩn từ thành Hoa-lư (Ninh-bình) dời kinh-đô đến thành Đại-la (Hà-nội). Tương truyền thuyền đến dưới thành, thấy rồng vàng hiện ra, nên đổi tên thành là « Thăng long » (nghĩa là rồng bay lên). Trong thành dựng ra cung điện, phía trước là điện Kiền-nguyên, để làm nơi các quan vào chầu, phía tả đặt điện Tập-hiền, phía hữu đặt điện Giảng-võ, đều có sân rồng. Lại mở ba cửa : Cửa Phi-long thông sang cung Nghênh-xuân, cửa Đan-phượng thông sang cửa Uy-viễn. Chính giữa phía nam dựng điện Cao-minh, đều có long-trì (sân rồng). Trong sân đi quanh ra bốn mặt điện Kiền-nguyên. Phía sau điện Kiền-nguyên có hai điện Long-an và Long-thụy, để làm chỗ yên-tầm (ngủ), phía tả có điện Nhật quang, phía hữu có điện Nguyệt-minh. Phía sau dựng hai cung Thúy-hoa và Long-thụy, để làm chỗ ở cho các phi-tần cung-nữ, Lại dựng kho-đụn, sửa thành trì, bốn mặt thành mở bốn cửa, phía đông là cửa Tường-phù phía tây là cửa Quảng-phúc, phía nam là cửa Đại-hưng, phía bắc là cửa Điệu-dức, (*Khâm định Việt sử*, q. 2, tờ 9 a đến 10 b, và *Đại-Việt sử ký toàn thư* q. 2, tờ 2 a đến 3 b).

Sau khi đã dời đến kinh đô mới, Công-Uẩn đổi thành Hoa-lư làm phủ Trường-yên (tức phủ Yên-khánh, tỉnh Ninh-bình bây giờ), thăng châu Cổ-pháp làm phủ Thiên-đức (tức huyện Đông-ngàn, tỉnh Bắc-ninh bây giờ), đổi sông Bắc-giang làm sông Thiên-đức (có tên là sông Đàn-Uẩn, lại có tên là sông Đông-ngàn, là một chi-lưu của sông Nhĩ hà, đi qua huyện Đông-ngàn và Quế-dương, rồi chảy vào sông Lục-đầu tức sông Cuiêm-đức tỉnh Bắc-ninh bây giờ). Phá hai vạn quân liền dựng tám ngôi chùa ở trong phủ Thiên-đức, đều lập bia ghi công-đức. Trong thành Thăng-long lại dựng chùa Thiên-ngự, cung Thái-thanh và chùa Vạn-tuế (*Đại-Việt sử ký, toàn-thư* q 2, tờ 3 b chép thêm rằng : dựng lầu Ngũ phượng tinh). Ngoài thành thì dựng chùa Thắng-nghiêm, chùa Thiên-vương và các chùa Cẩm-y, Long-hưng, Thánh-thọ, Thiên-quang, Thiên-đức. Còn những chùa-chiền ở các làng, có chỗ nào đổ-nát, đều cho sửa chữa lại tất cả (*Khâm-định Việt sử*, q 2, tờ 11 a b).

(*Còn nữa*)

*Ưng hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

*Muốn làm giàu mua vé số*

**Đông Pháp**

**1p·00 một vé**

## Giải thưởng văn chương B. D. T. N. T. V.

*Để kỷ niệm ngày đệ nhất cha niên Bình Dân Thanh Niên Thư Viện tổ chức bài đầu từ tháng Novembre 1944 một cuộc thi văn chương.*

*Có ba giải thưởng :*

| | |
|---|---|
| *Giải nhất* | *250$00* |
| *Giải nhì* | *150$00* |
| *Giải ba* | *100$00* |

*Cuộc thi này dành cho những cuốn tiểu thuyết hay những vở kịch hoặc trước tác hoặc phiên dịch thuộc về các loại như : Lịch sử, Giáo-dục Khoa-học, xã hội cửu tế, trinh thám hay phiêu lưu.*

*Hạn gửi tác phẩm dự thi kể đến ngày 30 April 1945 là cùng. Muốn biết rõ điều lệ cuộc thi xin đến hỏi ở Hội Quán (N° 16 Ruelle des Etoffes) ở xa xin viết thư về Hội Quán kèm theo một con tem 0$15, hội sẽ trả lời và gửi theo một bản điều lệ.*

*B. D. T. N. T. V. tai cảo.*

# CON ĐƯỜNG THIÊN-LY

của KHUÔNG-VIỆT

Có ai lặng ngắm bản đồ Đông-dương, sẽ không khỏi không chú ý tới một đường đỏ, gieo từ trên xuống dưới, quanh co theo bãi biển và lẽ ra những nét xiên hay là ngang. Rồi nảy cái ý vui-vui coi nó là mạch máu của con Rồng vàng đang vẫy vùng trên Trung-quốc-tải.

Ấy là con đường thiên-lý.

Gạch nối vật-chất giữa Bắc, Trung, Nam.

Mạch sống của giống dân Hồng Lạc.

Tượng trưng của giây tinh thần cảm thông toàn Việt.

Dầu dãi phong sương, vượt sông ngòi, rừng núi, trải qua hơn ngàn năm, nó đã thắng cả không gian, thời gian trong việc hợp nhất, dầu cho nó thay tên đổi họ là con đường quan, con đường sứ, hay là « La Route Mandarine »

***

Đường thiên-lý có một lịch-sử. Có lẽ nó khai sanh vào hồi Bắc thuộc, Mã-Viện đã trồng bên mình nó cây cột đồng làm cực-giới của nhà Hán. Lưu-Phượng đã theo nó mà đánh Lâm Ấp, mang về mười tấm tượng vàng. Rồi từ phen độc lập trở đi, nó dài thêm rộng thêm, thành hẳn làm con đường Nam biên của người Việt.

Dưới đời Lý (1010-1225), Trần (1225-1400), trong việc chinh nam, thêm thành, đã có lắm kẻ quân đi trên đường sơn lộ.

Cùng mục-đích ấy, nhà Hồ năm Quí Mùi (1403) đã sai hai tướng Phạm-nguyên-Khôi và Đỗ-Mãn đem hai chục vạn binh cả thủy và bộ, sang đánh Chiêm-thành.

Tới ngày Nam, Bắc phân tranh (1627-1672), mặc dầu Đào-duy-Từ chắn ngang đường Thiên-Lý bằng lũy Trường-dục, về địa phận chúa Nguyễn, nó đã vươn dài từ dinh Ái-Tử cho đến Quảng-nam. Lần lần, nó đưa Nguyễn-hữu Kính vô Bình Khương dẹp loạn Bà Tranh và trước năm Mậu-tuất (1658) từng lũ lưu dân đã theo nó mà vô khẩn đất cày ruộng ở Mô-Xoài đất đỏ (Bà-rịa).

Những thời oanh-liệt của nó là dịp trung tâm của nhà Nguyễn. Từ 1792 đến 1802 ngang với đường biển, nó đã đóng một vai quan trọng trong việc dụng vũ. Nó đã thấy những đoàn quân hùng hổ của một Tôn thất Hội, một Nguyễn văn-Thành. Nó đã chiêm bao Nguyễn-vương Phúc-Ánh trong bảy phen xuất chinh từ Gia-định cho đến khi đẹp yên bắc-hà.

*Trước từng trải Xiêm La Cao mạn, về Gia-định, mới dần rũ Khánh Thuận đã mấy thuở son-phong hãm lũ trời dưo, Quang soi tỏ tấm kiên trung.*

*Rồi lại nữa Đồ Bàn, Nam, Ngài tây thú Xuân mà thẳng tới, Thăng Long hiết bao phen vũ phát vạt thế đuổi Lửa Thực lần vào nơi hiểm cố.*

Thế cho nên sau hồi đại định, đường Thiên-lý được sửa sang săn-sóc một cách đặc biệt. Tháng bảy năm Tân-dậu (1801), đoạn đường Phú-xuân Đồng-tới được đắp lại. Tháng tư năm Kỷ-tỵ (1809), đắp đường quan các tỉnh Quảng-nam Quảng ngãi, Bình-định, Phú-yên Khánh-hòa và Bình-thuận. « *Nhà vua nghĩ đường cũ quanh co, khiến Nguyễn-huỳnh-Đức Lê-Chất dăng dây cho thẳng, bắt dân sửa lại. Nhưng hoãn việc trưng binh, định việc tạp-tụng, chỗ nạo cỏ mồ-mả thì cấp tiền cho dân dời đi nơi khác và trồng cây hai bên đường* », mà phần nhiều là cây mù-u.

Đến triều Minh-Mạng, năm Bính-tuất (1826), những cầu cống trên đường thiên lý được xây lại bằng gỗ, bằng gạch.

***

Tuy-nhiên, con đường thiên-lý lúc bấy giờ chỉ là một độc đạo hẩm trở, hoang vắng những đoạn ngang lặng mạc, thành tỉnh mới xứng với danh từ « *đường Thiên lý* » mà khi nghe qua, ta liền tưởng ngay đến vẻ rộng lớn, tiêu-thang. Ngoài ra là đường rừng, đường núi, hoặc chạy ven bờ biển, trên bãi cát trắng, phần chỉ có kiệu, đi chân, đi ngựa, đi cáng. Gặp phải núi đèo cản trở (bi-dụ: đèo Hải-Vân 496m, Hoành-Sơn-Quan 110 m là hai cửa ải trấn giữ kinh thành Huế về mặt Nam

và về mặt Bắc), con đường lại càng gay-go vì giốc đứng đầm sâu, sông rộng còn cắt đứt ra nhiều đoạn, thêm phần khó khăn ngủy hiểm. Ấy là chưa kể sự không chắc chắn cho tánh-mạng và tài-sản thường xảy ra vì cướp giựt. Bởi thế ngày xưa đi từ Nam ra Bắc phải mất nhiều tháng, có khi hăng năm.

Phương chi người Việt xưa; ngoài lẽ sinh kế, không thích châu lưu thành thủ đường giao-thông chỉ dùng vào việc quan nhiều hơn việc dân.

Đường đã khó đi, nhà cầm quyền lại còn cấm-đoán, lập ra đồn-ải, ngăn-cản bộ hành. Đã biết ấy vì quân sự, nhưng cũng là một cớ, để cho quân trấn giữ yêu sách, bóc-lột; chẳng hạn đoạn đường từ Cao-Hải đến Lang-Tô (giữa Quảng-nam và Thừa thiên) theo lời ông Pierre Poivre đã qua, đó bồ 1749.

Do đó, việc tu bổ đường thiên lý còn là việc khinh-thường trong thời kỳ khoa học chưa phát-đạt và thâu-nhập. Vả lại có cần chi sắn-sóc sửa-sang vì, với cặp chưn khỏe, con ngựa hay, người ta có thể trèo đèo vượt núi. Xe cộ đã có gì đâu; hễ các quan cần đi lại thì sắm có kiệu võng, chỉ việc nằm dài, còn hành trang đã có phu khiêng vác. Mỗi lượt có quân trấy qua thôn-quê, làng mạc là mỗi phen dân dem phải đúc trực hầu cung cấp đủ đồ thực cần dùng và đủ số đeo phu. Con đường thiên-lý xưa đã lưng chừng-kiếp những đoàn người hằng trăm hằng cực khổ dân bước mười mươi vên đầu thì tình tan tướng.

Về thơ từ, người xưa ít khi dùng tới. Gặp dịp ai quen đi đến chỗ cần thông tin từ thì gởi tay vài hàng, hoặc nhắn miệng đôi lời là đủ. Công văn từ trát đã có trạm dịch lo-liệu.

Trạm đặt ra từ đời Lý Thái-Tôn (1028-1054) cốt để chuyển đạt giấy tờ và làm nơi thay ngựa nghỉ chưn cho những người đi việc quan. Mà đến niên hiệu Gia-Long năm Giáp tí (1804) trên suốt con đường thiên lý đều có lập nhà trạm. Và qua năm Canh-ngọ (1810), *« đặt thêm lính trạm từ Quảng bình đến Bình thuận mỗi trạm 100 tên tha khỏi đi lính giản, khỏi làm việc quan và tha thuế thân cũng như quan hạng.*

***

Mặc dầu thơ tưởng cọi mòi lộm-thuộm, trên con đường thiên-lý vẫn nhiều khách lữ qua. Có chú lính, có ông quan, có thầy đồ đi thi, có cô gái lưu lạc, bao linh-hồn bất-đắc kỳ-tử ấy, thi-sĩ Nguyễn khắc-Hiếu chiêu về trong bài. *« Thăm mả cũ bên đường »*. Và lại có các nhà văn... Cái thư hành-nhân đặc biệt này đi không cần chống đến, trấy không gặp trở ngại, chưa bước mà mắt nhìn tai nghe, đánh dấu đường trường bằng những vần thơ khiêu hứng.

Gặp nơi hiểm trở gần Quảng-bình, cụ nghè Văn đã mà hỏi rằng:

*Bước qua bãi cát Bạch-long*
*Nhớ mười mốt nhịp cầu thông Lý hòa.*

Xét bao vật và tự nhiên khi lại kính bái cửu Tôn thọ Trường đã tạm rằng:

*Trải bao mươi hai tạm tơ Kinh,*
*Bao nhiêu tân khổ bấy nhiêu tình.*

Vương nước lũ nỗ cự nhọc ấy đã được bà lại bằng những bức đan thanh tuyệt-mỹ làm rung lòng thơ.

*Cửa son đỏ lòét làm lam nóc,*
*Hòn đá xanh-rì lăn-phăn rêu,*

Cặn đà thay màu vẽ của Xuân-Hương trên đèo Ba dộc.

*Lam khum dưới núi tiều vài chú,*
*Lả-đác bên sông chợ mấy nhà,*

đơn-sơ thay nét bút của bà Huyện trên đình Đèo Ngang.

Một đặc-điểm của con đường thiên lý là từ thế kỷ XVI nó đã in dấu chân người phương-tây. Nào giáo sĩ, nào thương gia nào sứ-thần của Pháp lan tây, Ipha nho, Bồ đào-nha và Anh-cát-lợi đã lần lượt đi từ đàng trong cho chí đàng ngoài.

Sức cám dỗ của nó có khi lại chinh-phục được những bậc thường quan. Ông Paul Doumer, khi dùng vó ngựa tại đèo Hải Vân, đã không tiếc lời ngợi khen cảnh trí. Và bài *« Les routes de l'Indochine »* của ông Pierre Pasquier với cái tài bộc bạch tinh vi có thể gọi là một bài « Lộ đức tụng ».

***

Từ khi nước Pháp giữ quyền cai-trị đất Việt thì công việc tu bổ con đường thiên-lý được coi là một vấn-đề quan-trọng. Theo bổn dự bị hòa-ước ký ngày 25 tháng 8 năm 1883 về khoảng thứ 9, công việc ấy giao cho sở Công-Bình. Và tới năm 1888 nó mới thuộc về quyền sở Cầu-cống.

Rồi là lần, con đường thiên-lý biến thành con đường thuộc-địa số 1 (Route coloniale n° 1) dài 2.585 km, chạy từ Nam quan ngăn đôi hai tỉnh Quảng tay của

(Xem tiếp trang 21)

# ĐỌC SÁCH (1)

TIỀN-ĐÀM

. . . . . .

Đọc sách nên thế nào ?

Đọc sách là thâu thái những nghĩa lý, học vấn những điều nhận xét những sự cần biết đem áp dụng vào công việc hằng ngày.

Một nhà văn nước Pháp đã nói : Trong gia-đình nào không có sách tức như cái nhà ấy không có cửa sổ

Phong hội ngày một mở mang, không những cần phải quan sát ở ngoài năm châu, bốn bể mà còn phải tìm cả ở trong sách.

Trong bài *Ngũ ngôn thất đồng thi* chắc các bạn ai đã học chữ Hán cũng nhớ hai câu :

*Vạn ban giai hạ phẩm,*
*Duy hữu đọc thư cao.*

(Các việc đều thấp kém cả, duy có việc đọc sách là cao quí hơn)

Nếu ta theo câu này mà bàn thì đọc sách tức là một việc rất thiêng liêng, cho nên cổ nhân rất chú trọng. Ngày trước, các cụ trước khi ngồi vào kỷ đọc sách ngâm thơ, đều có gây một lư trầm nhẹ tỏa mùi hương để cho tâm hồn trong sạch, để thu những tinh hoa của sách vở. Chả có thế mà mỗi khi nói đến chữ nghĩa của Thánh hiền, các cụ thường có câu : « *Chữ ông Thánh, một gánh vàng* ».

Ngày nay, chúng ta cũng gần như xa cái lối đọc sách quá ư trịnh trọng ấy, nhưng ngó qua những phương pháp đọc sách tôi thường thấy các thầy giáo dạy học trò khi đọc sách phải luôn luôn có quyển tự vị, cuốn sổ tay và cái bút chì để ghi lấy những ý tưởng cần thiết và những nhời văn hay

Vậy thì đọc sách nhất định không phải là một việc cầu thả được.

Có người bảo rằng : xem sách cho giải trí, cho qua những lúc ngồi không. Điều ấy gần như một thói quen, như ăn cơm, uống nước, sỉa răng, nhưng thật ra, nếu trong những phút giải trí ấy mà mình biết cách lựa chọn sách vở, biết cách đọc, thì sự giải trí hầu như rất bổ ích vậy.

Đến đây, tôi xin phép bàn đến sách. Sách thì nhiều lắm, thật là thiên kinh vạn sử, bể học mông mênh, tư tưởng tràn ngập. Các ngài cứ vào những thư viện thư-quán sẽ thấy sách chất từ đất lên đến nóc nhà ; trông số các sách ấy, khác nào như ta lạc vào trong một cái rừng, hay ta lênh đênh trên mặt bể, ta biết sao được chỗ nào nông, chỗ nào sâu, cây nào tốt, cây nào xấu, sự lựa chọn của ta thật là khó quá.

Phương chi vàng thau lẫn lộn, sách hay sách dở đều đồng thời xuất bản ; nhà xuất bản cũng có người vì lợi, có người vì văn, thì sự phân biệt lại càng phải rần thận.

Một quyển sách hay là quyển giúp ích cho ta về tinh thần nhiều lắm. Ấy cái lòng ta là hay chính, hay hay dở cũng có khi là ảnh hưởng của sách.

Một quyển sách dở khác nào như người bạn xấu chỉ thúc giục ta làm những điều tàn bạo, hay sai lạc cả những tôn chỉ ở đời.

Vì thế, trong các trường học, cả thầy giáo thường khuyên học trò đọc cuốn này, ra cuốn kia. Tôi còn nhớ khi còn là học sinh, có nhiều ông đốc khám xét rất kỹ những hòm của lưu học sinh, phòng việc đem sách nhảm vào trường.

Trong cả gia-đình, cha mẹ chính từng phải trông nom đến việc đọc sách của con cái. Có quyển trẻ nhỏ xem có hại, có quyển trẻ nhớn mới xem được. Tôi đã thấy ở đây hội « Phụ huynh học sinh » đặt ra ban duyệt sách, chia loại, các sách hay và dở để cho các trẻ em biết phân-biệt sách nào nên đọc, sách nào không nên đọc. Đó là một việc lắm rất có ý nghĩa.

Đọc sách đã cao quý, sự lựa chọn sách lại phải cẩn trọng, có vị sẽ cho như thế hơi kỹ tính quá.

Thật thế, đối với sách cũng như đối với việc giao-du ở đời, ta cần phải để ý nhiều lắm.

Tôi không nói xa đâu, chỉ nói chuyện gần đây cái phong trào sách vở thi ca lãng mạn

*1) Trích ở bài diễn thuyết tại Bình-dân Thanh-niên Thư-viện chủ nhật 26 Novembre 1944.*

đã lôi kéo bao nhiêu thanh niên vào một thời kỳ khủng-hoảng.

Sự khủng hoảng về tinh thần nó còn hại bằng trăm, bằng nghìn sự khủng hoảng về kinh tế, vì nó đã gieo-rắc cho các gia-đình những sự thương luân, bại lý mà nếu phong trào ấy không sớm qua đi, thì thật là một cái ách lớn cho cả xã hội Việt-nam. Xem vậy thì ảnh-hưởng sách vở có can hệ đến cuộc tiến hóa cả một nước không phải là nhỏ.

Ở Pháp trong thời kỳ quân chủ, nhà nước có những ban kiểm soát về sách vở; những người làm sách có hại cho phong hóa không những sách bị tịch thu đem ra công trường đốt đi, mà tác-giả còn bị truy tố là khác.

Còn quyển nào hay bằng quyển *Madame Bovary* của Gustave Flaubert, thế mà cũng bị đem ra tòa và tác-giả cũng đã khổ lắm để tự bào chữa tác-phẩm mình.

Nhà triết sĩ Nicole ở nhà tu Port Royal về thế-kỷ thứ 17 đã cho những nhà cầm bút thiếu lương tâm là những người đầu độc công chúng (empoisonneurs publics) không phải về cơ-thể mà về tinh-thần.

Việc lựa chọn sách vở rất khó, cho nên ngày trước đã có câu:

« *Timeo hominem unius libri* » nghĩa là « tôi sợ người một quyển sách ».

Các ngài chắc còn nhớ vua Alexandre đại đế xứ Macédoine, hồi đem quân đi chinh phục miền Tiểu Á-tế-á và Ấn độ mà chỉ mang theo có một cuốn *Iliade* của thi-sĩ Homère là cốt lấy tư tưởng trong anh hùng ca ấy để cho việc làm của mình cũng gần được quang minh chính đại như các bậc anh hùng trong sách.

Lại một người nữa chỉ đọc một bộ sách là ông Quan Vũ nhà Thục Hán (tức là đức Thánh quan để mà ta cũng thờ). Ông này đọc sách *Xuân thu*, cho nên vẹn được tình bằng hữu, trọn được nghĩa vua tôi, mà cái ngọn đuốc đốt đêm đứng hầu hai chị ở Trại Tao-man bá không phải là ngọn đuốc « cương thường » soi cả cho vạn thế?

Vậy đọc sách không phải cốt đọc cho nhiều, nhưng đọc mà hiểu hết nghĩa lý sách, thâu thái được tinh thần của sách thì mới bổ ích.

Đọc nhiều mà không suy nghĩ có khác gì người ăn nhiều mà không nhai. Chữ nghĩa trong sách cũng như đồ ăn một khi không tiêu sẽ có hại. Lắm ông đọc nhiều nhưng không thấu hết, đã thành ra « cuồng chữ », chỉ biết dẫn sách mà không biết nghĩa lý câu mình đã học là gì người xưa gọi thế là: « học như cuốc kêu mùa hè vậy

Lại có câu chê những người học gởi mà không sửa mình: « Học nhi vô hạnh, hà vị chi học ? » (học mà không có hạnh kiểm tốt thì học làm gì). Và câu: « Science sans conscience n'est que ruine de l'âme » (Học mà không có lương tâm chẳng qua chỉ hại hoại tinh hồn).

Vậy việc đọc sách chả nên thận-trọng lắm sao?

Từ nẫy tôi chỉ bàn xuông, không nói đọc sách có bổ ích về phương diện nào. Để đáp câu này, không gì bằng tôi mượn nhời của ông cử Phan kế Bính đã viết ở *Đông dương tạp chí* ngày trước về mục văn chương: « Kìa như nhân tình thế thái, nào thiện nào ác, nào nịnh nào trung, nào nhũng dạ ngoắt ngoéo, kẻ ất khe, nào những thói thâm trầm nham hiểm, ai nói cho xuể, ai kể cho hết nhờ có văn chương mà vẽ ra, không thiếu một hết nào. « Ngồi trong nhà mà liệu lắm được hết các danh thắng ở thiên hạ; xem trên mảnh giấy mà tỉnh tường được hết các việc hay dở của thế gian. Sinh ở đời mấy nghìn năm mà tự ở như đối diện và được nghe tiếng bàn học của người sinh trường mấy nghìn năm cũng đều nhờ văn chương cả »

Đoạn trên đã nêu lên sự bổ ích của sách.

Nhưng khi trước chúng ta theo bàn học thì chỉ được đọc các sách của những bậc hiền triết như Khổng Mạnh, Trình, Chu, những tư-tưởng về luân lý ấy đã mấy nghìn năm xây đắp các nền tảng gia đình, xã-hội của ta. Đến nay, vận hội khai thông, chúng ta được tiếp xúc với những tư tưởng từ Tây-phương đem lại, ta đã hấp thụ những tư tưởng ấy.

Những sách ngày xưa ngoài những quyển về luân lý lại có những văn-chương, gồm phiếm

(Xem tiếp trang 17)

# TRỞ LẠI CHỮ « BỘI »

HÒA TRAI

Nhân quyển sách « Sự - tích và nghệ thuật hát bộ » của ông Đoàn Nồng ra đời, vài nhà học-giả bàn về hai chữ « bộ » và « bội », nhưng nguồn gốc và ý nghĩa của ba chữ ấy xem chừng chưa được ai nhận nhìn (1).

Ông Đoàn Nồng quyết hiểu là « hát *bộ* » vì :

1·) theo ông Đào-duy-Anh, « bộ » với « tuồng » là đồng nghĩa, nên nói hát *bộ* ở « đàng trong » tức là nói hát tuồng ở « đàng ngoài » (xem bài của ông Đoàn Nồng ở Tri-tân 163).

2·) « Không có thứ hát nào chú trọng điệu bộ như hát bộ » (Đoàn Nồng, Tri-tân 163).

3·) « Tiếng hát « bội » tuy được công dụng nhưng chưa rõ có nghĩa lý gì không ? » (Sự-tích và Nghệ-thuật Hát-bộ trang 9).

Trái lại, ông Nguyễn - văn - Tố cho tiếng hát *bội* là phải hơn vì :

1·) « Xưa nay ta vẫn quen gọi là « hát bội » (Nguyễn - văn - Tố, Tri-tân 149) và « các tự-vị của ta xưa nay không có chỗ nào chép là « hát bộ » (Nguyễn-văn-Tố, Tri-tân 163).

2·) Trong tiếng « hát bội » chữ « bội » có lẽ là chữ « bội » trong tiếng « bội độc » 倍讀 (Bội độc nghĩa là đọc chường) (xem bài của ông Ng v Tố, Tri-tân 149)

3 ) Chữ « bội » trong tiếng « hát bội » còn có lẽ « do chữ Bội phong 倍風 ở Kinh thi, nghĩa đen là phương Rắc, nghĩa bóng là đủ các điệu lo buồn, sầu thảm, thương tiếc, khóc than » (Ng. v. Tố, Tri-tân 163).

4 ) « Lại một thuyết nữa, Bội 倍 là gấp bội, tức là nhiều, hay bội phần, nghĩa là một người kép có thể hát được nhiều giọng, đóng được nhiều vai » (Ng. v. Tố, Tri-tân 163).

4 ) Sau lại « người Tàu thì gọi lối chèo bội là « xướng ưu » (bài ưu), hoặc « đồi lỗi ». Trong mấy tiếng ấy có tiếng « đồi lỗi » gần giống tiếng « bội » của ta ». (Ng v Tố, Tri-tân 163).

Ông Đào - trọng Đủ, nhà ngữ-học, cho *bội* là đúng, nhưng bảo nguồn gốc của chữ *Bội* là chữ *Bái* 倍 và cho mấy tương-chứng về vần AI đổi ra vần ÔI :

Hải (chữ nho) = Hồ (ở đông) 2,
ngại ( — ) = ngồi ( — )
cải ( — ) = cồi ( — )
ngãi ( nôm ) = ngồi ( nôm )

Song khoa học chuyên-môn của ông lại cho ông tin rằng « *bội* đổi ra *bộ* cũng không lấy gì làm lạ. *Bội* thành ra *bộ* chẳng qua là theo một luật rất thông thường trong Việt-ngữ » « cũng như chữ thư-*thái*, thành ra thư-*thả*, ngô-*nghêi* (ngây) thành ra ngô-*nghê* » (i cuối cùng mất đi). « *Bội* thành ra *bộ*, vì chịu ảnh-hưởng chữ *bộ*-tích, chữ trong *bộ* trong Kinh. Cũng như *hồ*-*tiêu* thành ra *hạt*-*tiêu*, vì chịu ảnh-hưởng chữ *hạt*, *potasse* thành ra *bột*-tạt vì chịu ảnh-hưởng của *bột* » (Đào-trọng-Đủ, Tri-Tân 159).

Lối biện giải (démonstration) của Đào-tiên sinh thật là khoa-học, thật là thông-thái ! Nhưng sao tôi thấy hai ông Nguyễn-văn Tố và Đoàn-Nồng đều không chú ý đến Có lẽ hai ông chưa đọc đến chăng ? (3)

Nên nay tôi xin nhắc lại để hai ông thấy một tia sáng mới. Luôn tiện, tôi xin phê hai ông — ông

---

*(1) Chưa bài « Trở lại chữ bội » của ông Hòa-trai. — Về cái phương-pháp của các nhà ngữ-học Âu-châu dùng để tìm nguồn gốc, tôi có nói qua ở bài « Trả lời », Ở đây tôi chỉ chữa những chữ nhầm-lẫn vụn vặt và những câu nói khiếm-nhã của tác-giả. Như đoạn đầu có câu « nguồn gốc và ý nghĩa của hai chữ ấy (tức bội và bộ) xem chừng chưa được ai nhận nhìn » ... Chỉ có một mình ông Hòa-trai ! ... Sao ông nhận mình thế ? Mà sao không thấy ông nói chi đến « ý nghĩa » ? (Ứng-hoè Nguyễn-văn-Tố).*

*(2) Hình như mấy cái « tương-chứng » ở đây đảo ngược cả lại thì phải ! Trên bảo chữ « bài » của Tàu thành ra chữ « bội » của ta, dưới lại bảo chữ « hải » của ta thành ra (=) chữ « hồi » của Tàu (quảng - đông) ! Thế thì gọi là « tương-chứng » sao được ? Dịch-âm lại theo chữ quốc-ngữ, không chú giọng « bình, thương, khứ, nhập » như những sách khoa-học của Tây, thì dụ quyền Dictionnaire français - cantonnais của ông L. Aubaxac (Ứng-hoè).*

*(3) Vì lẽ gì tôi « không chú ý đến » thuyết của ông Đào-trọng-Đủ, bài « Trả lời » đã nói rõ. Còn như bảo « có lẽ... chưa đọc đến chăng » thì nghe như không được « khoa-học » cho lắm (Ứng-hoè).*

Nguyễn và ông Đào, hai nhà học-giả lão-thành mà tôi hằng kính-mộ, ông Đoàn là vị thầy cũ của tôi mà luôn luôn tôi cảm phục — nối thêm vài lời thô vụng với ý mong có thể giúp ích được vài phần.

Người đồng-xứ với cụ Tuần Nguyễn hữu-Dĩnh, ông thầy hát bội ở Quảng-nam cũng như cụ Đào-Tấn ở Bình-định —, thường tự-hào tỉnh nhà có các ông Phò-Phẩm Phò Thủ, hai ngôi sao trên sân khấu, tôi thú thật chưa kể nghề ở vùng tôi, từ người tri-thức đến bác dân đen, dùng tiếng « hát *bộ* » để chỉ thứ hát ấy. (Mà hình như ông Đoàn-Nông cũng nhận rằng tiếng « hát *bội* » được « công dụng ».)

Nên dẫu có nghe cụ Đào-Tấn viết bằng chữ nho : « Học bộ đình 學步亭 », tôi cũng còn rụt rè chưa giám tin « *Bộ* » là đúng mà « *bội* » là sai. Vì có lẽ chẳng qua khi muốn làm tấm bảng đặt trên ngõ nhà dạy hát của cụ, cụ cũng chưa rõ « Bội » nghĩa là gì nôm hay chữ, viết ra sao cho phải, nên sẵn có chữ « Bộ », nghe hơi giống « Bội », lại có tuồng « tên cái cặc-sắc » của một thứ hát « chú trọng điệu-bộ », cụ bèn viết chữ ấy. Cũng như có cụ nhà nho khác gặp tiếng Phan-rí, không kể viết « rí » ra chữ nho thế nào mà cũng cẩn hiểu « rí » nghĩa là gì, liền viết « Phan *lý* ». (4).

Vả lại, nghệ-thuật này tàu lắm, mà cái tên cũng tàu nốt (bộ là chữ nho) vậy sao không thấy Tàu dùng « Bộ xướng », « Bộ ưu » ?

Đồng ý với ông Nguyễn-văn-Tố, tôi cũng ủ-trương dùng tiếng *Bội* là phải hơn vì nó được « công dụng ». Nhưng về nguồn gốc của tiếng đó, tôi lại nghe theo ông Đào trọng Đủ. Vì cũng như chữ *Bộ*, các chữ bội 背 (Bội độc), *Bội* 風 (Bội-phong), *Bội* 倍 (gấp bội) không được (5). Tàu dùng để chỉ một thứ hát nào của họ (Tôi đã có dịp xem hát bội tàu, thật cũng khác gì hát bội ở miền tôi). Còn tiếng « bồi lỗi » mà chuyển ra « bội » thì tôi chưa giám tin vì chưa có chứng cớ ắc-cẩn (6).

Tôi thường nghĩ rằng « *Bội* » phải ở tiếng Tàu ra, vì nghệ-thuật ấy gốc ở Tàu, nên cái tên nó cũng phải do một nguồn gốc, như mấy tiếng « Xiếc », « Xi-nê » phải là ở tiếng Pháp mà ra 7). (Và sao tôi lại không giám nghĩ rằng tiếng *Bội* phải gốc ở tiếng Tàu, khi các tiếng đặc nôm như *lừa, cựa, giám, miều* (mỹ-miều) đều bởi tiếng nho *lư, cự, cảm, diệu* mà ra, và mấy danh nhân nước Việt như Phan thanh Giản, Phạm phú Thứ, Trần tiễn Thành, Trương vĩnh Ký... đều có ông bà bên Trung-quốc ? )

*(Xem tiếp trang 14)*

---

*(4) Nước ta lấy đất Phan-rí từ năm 1679. Quyển Phủ biên tạp lục của ông Lê quý-Đôn (bản sao của Bác-cổ, số sách 154, q. 1, tờ 33 a) và các sách nho khác đều viết là Phan-lý, vì xưa nay ta với tàu vẫn quen dịch chữ r ra chữ l, thí-dụ Paris là Ba-lê, Roma là La-mã, Rousseau là Lư-thoa. Thế mà đổ cho « các cụ nhà nho » thì thật là sai (Ứng-hoè).*

*(5) Ông Hòa trai nói « các chữ bội phong... không được », vì « Tàu dùng để chỉ một thứ hát nào (?) của họ » : nói như thế thì không đáng với phép « khoa học », vì đang việc chứng, mà lại dùng lối văn cộc như thế, thì tin làm sao được ? (Ứng-hoè).*

*(6) Tôi sở-dĩ cho tiếng « bồi-lỗi » gần giống tiếng « bội » của ta là vì tiếng ngoại-quốc biến thành tiếng ta thường hụt như thế, thí-dụ cái « casserole » của Pháp thành cái « xoong » của ta, v.v, — mà từ-điển tàu thì giải nghĩa chữ bồi-lỗi là một trò chơi làm hình hai người bằng gỗ để mua hát, bắt đầu có từ đời Hán, nước ta thuộc với Tàu cũng từ đời Hán. Cứ như vậy thì cũng là đoán phỏng, nhưng có dựa vào lịch-sử. Còn như bảo trò bồi lỗi không giống trò hát bội của ta, thì chính nghĩa chữ « bài ưu » cũng chưa chắc đã giống nghĩa chữ hát bội, vì từ-điển tàu giải nghĩa « bài ưu » là « các trò » (tạp hý), mà cốt ở chữ « ưu », chứ không ở chữ « bài ». « Ưu » là người trang sức diễn lại các trò (ban diễn tạp hý chi nhân) Cho nên các sách nho thường viết « ưu nhân » chứ không viết « bài ưu » ; như Khâm-định Việt sử (q. 2 tờ 2 b) chép câu « Tống ưu - nhân Liên thả-Tâm », nghĩa là « người kép hát của nhà Tống tên là Liên-thả Tâm » Hán-Việt tự điển của ông Đào duy Anh cắt nghĩa « bài ưu » là « người làm tuồng hát, acteur » ; còn « ưu » thì cắt nghĩa là « người hát bội » (Ứng-hoè).*

*(7) « Cirque » thành ra « xiếc », « cinéma » thành « xi-nê » : thế là đọc lên không sai tiếng, cũng như « bội phong », « bội độc » chuyển ra tiếng « bội » của ta, tưởng không có khác gì. Còn như bảo « nghệ-thuật ấy gốc ở Tàu », thì lấy gì làm chắc, vì sách Tàu thường chép đâu nào, nước nào cũng có lối hát riêng. Nước ta theo văn-hóa tàu, thì những điển-tích cố-nhiên là của Tàu, nhưng biết đâu lắc đầu chẳng phải là lối riêng của ta ? (Ứng-hoè).*

# BA NGƯỜI THƠ CẦN MẪN

Số 8

LÊ-THANH

Có người cho đó là một cách, làm trậm sự học lên vài năm — chữ quốc ngữ dễ vừa học chữ Pháp vừa học chữ quốc-ngữ cũng đã đủ rồi — nhưng thế tưởng quá ẩm ỏm như vậy thiển cận quá. Tương lai có để giả lời cho ta chăng ?

Trong công việc thì hai ông có vẻ hăng hái và có nhiều tín tưởng hơn nữa.

Ngày trong Nam phong số 2 ông đã viết :

« Cái vấn đề quan trọng nhất trong nước ta ngày nay là cái vấn đề văn quốc ngữ. Cái vấn đề ấy có giải quyết được thì sự học mới có thể tấn tới, dân trí mới có thể mở mang, cuộc tiến hóa sau này mới có thể mong mỏi được. Đến ngày chữ quốc ngữ dùng làm quốc văn được thì người nước Nam mới có thể thâu nhặt cái khoa học mới, mà gây thành một nền học thích hợp với trình độ, mới tính cách dân ta. Đến ngày ấy thì người nước ta mới phát biểu được cái nhân cách của mình, cái nhân cách ấy hiện nay còn mập mờ phảng phất như ảnh không hình vậy. Nói rút lại văn quốc ngữ có phát đạt thì nền quốc học mới gây dựng được, mới tư tưởng, mới mở mang được, quốc dân mới không đến nỗi chung kiếp đi học mượn viết nhờ như từ xưa đến nay vậy.

« Trách lịch sử cũng không bổ ích gì, mà làm ân ông cha lại là phạm tội bất hiếu, vậy ta chẳng nên bàn gì các cụ ta ngày xưa vì say đắm chữ Tàu nên nhẳng bỏ tiếng nôm, để cho con cháu ngày nay khổ vì có nước mà không có văn, có người mà không có cách nói cho nhau nghe ngoài những sự nhật-dụng tầm thường. Ta chỉ nên xét cái hiện tình mà khuyên quốc dân chú ý vào một cái vấn đề rất là quan trọng cho cuộc tương lai của nước nhà

« Hôm nay ai cũng rõ rằng chữ quốc ngữ là tiện lợi so với chữ Tây chữ nho, học vừa dễ mà nhanh, những cũng vì thế mà coi thường, cho là không đáng công học không biết rằng cái chữ quốc ngữ ấy thực là cái bè lau để cứu vớt bọn ta trong bể trầm luân vậy.

« Ôi có nước mà không có tiếng nói ăn gì khổ bằng : Trong khi họp tập bà anh em ngồi với nhau bàn những sự thiết yếu kể những điều tâm sự mà đương câu truyện phải pha một hồi tiếng tây hay điểm mấy câu chữ Tàu, thì cực biết bao nhiêu ! Viết một bức thư là sẻ tấm lòng cho người yêu kẻ mến, nhời đi cái tâm tình cũng đi theo thế mà diễn cái cảm tình ấy cũng không thể đáng được cái tiếng nói bắt đầu học từ khi lọt lòng mẹ, thì thảm biết chừng nào !

« Ấy cái hiện tình như thế phàm những người có chí ai là người đoái nghĩ đến ?

« Những người nhiệt thành về tây-học thì ước cho chữ tây thông dụng cả trong nước, lấy tiếng tây mà thay vào tiếng ta không những là trong khi học hành mà đến cả trong khi truyện trò bàn bạc nữa, không biết rằng sự « đổi óc » ấy là thuộc về nhẽ tự nhiên không bao giờ thành được. Dù có thể thành được nữa cũng lại là một sự không nên ước lắm.

« Đến những nhà cựu học thì tuy ngày nay không còn mấy nữa, nhưng ông người nào đều là giữ cái « gốm thế-chủ-nghĩa » cả Trông thấy cái học cũ mỗi ngày một mòn đi, không thể cứu vớt được nữa trong lòng những thương cùng nhớ, không hề xét đến tình thế tất nhiên, không hề nghĩ đến tiền đồ sự học, tựa-hồ như quay mặt cả về cái kỷ vãng mà ngoảnh lưng lại cái tương lai vậy. Nói văn quốc ngữ với những bọn ấy thì cũng lạy lắm vẫn như là nói văn nhu với người tây-học vậy.

« Như thế thì cả quốc dân không hề lưu tâm đến cái vấn đề tâm huyết, là cái vấn đề chữ quốc ngữ ; cả quốc-dân không hề tự hỏi : Một nước có thể không có quốc văn được không ? Một nước muốn mưu sự sinh tồn, tìm đường phát đạt có thể đời đời học mượn viết nhờ mãi được không ?

« Đời trước đã nhầm, đời nay phải biết tránh vết xe cũ mà đừng đi.

« Các cụ đã nhẳng bỏ, bọn ta phải chăm chút. Dám quyết rằng công phu này không phải là công phu uổng. Cái chất nôm tuy còn mộc mạc, như súc gỗ chưa thành

(Xem tiếp trang 20)

# Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 76

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

## CXXXV — Kim Vân Kiều
*(Bài nối)*

Quyển *Kiều* quốc-ngữ của ông Vĩnh (in lại năm 1920, tr. 182) chép « Bối duyên kể lại gieo mình, Khóc than kể lể sự-tình đầu đuôi ». Quốc-ngữ mới (in năm 1943 tr. 725), phường - bản của Quan văn-đường (tờ 95 a) và *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Trường Bác-cổ, số sách AB 233, q. 3, tờ 45 a) đều chép « Huyên già dưới gối gieo mình, Khóc than kể lại sự mình đầu đuôi ». Kinh-bản của cụ Kiều - oánh - Mận (tức *Đoan trường tân thanh*, tờ 76 a) in là « Gieo mình dưới gối huyên-đình, Khóc than kể lại sự mình đầu đuôi ». *Vương Kim diễn tự* (bản sao của Bác-cổ, số sách AB 234, tờ 85 b) câu trên theo kinh - bản, câu dưới theo phường-bản. Cứ xét ra thì theo kinh-bản xuôi nghĩa hơn ; còn như quốc-ngữ cũ chép chữ « sự tình » ở vế dưới, thì thông với vần câu trên là câu : « Mừng mừng, tủi-tủi xiết bao là tình ! »

— Quốc - ngữ cũ (tr. 183) và phường - bản chép « Rủ nhau lạy trước Phật-đài, Tái - sinh trần-tạ lòng Người từ - bi ». Kinh - bản, *Vương Kim diễn tự* và *Kim Vân Kiều chú* đều viết « Sắp nhau lạy trước Phật-đài », còn vế dưới, thì kinh - bản chép là « Tái - sinh trần-tạ lòng Ngài từ-bi », và chú rằng « Chữ Ngài là tiếng kính, chỉ đức Phật ». Còn như quốc - ngữ mới (tr. 727) mà viết là « Quảy phau » là đọc nhầm ở chữ « sắp » ra, vì chữ « sắp » là tiếng nôm phải mượn chữ « sáp » của Tàu ; chữ « quảy » thì viết « tài » gồm bằng chữ « quai ».

— Các bản đều viết « Kiệu hoa gượng gẫy tơ đồng, Vương - ông dạy trước cùng về mặt nơ » Duy quốc-ngữ mới (tr. 728) in là « dạy trước » (avant, en premier lieu) thì nhầm.

— Câu « Tình rằng mặt nước chân mây, Lòng nào còn tưởng có rày nữa không ! », kinh bản chép là « mặt sóng chân mây ».

— Các bản đều viết « Gặp cơn binh địa ba-đào, Vậy đem duyên chỉ buộc vào cho em ». Duy kinh-bản chép là « Phải đem duyên chỉ buộc vào cho em ».

— Câu « Bây giờ gương vỡ lại lành, Khuôn-thiêng lừa lọc dẫn danh có nơi », Kinh - bản chú rằng : « Cổ người nói : Khuôn- hiêng lừa lọc dẫn danh có nơi ».

— Các bản đều viết : « Còn duyên may lại còn người, Còn vàng trăng bạc, còn lời nguyền xưa », duy kinh - bản chép là « giăng cũ ».

— Câu « Dứt lời nàng vội gạt đi, Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ ? », kinh - bản chép là « Sự trăm năm cũ ».

— Quốc - ngữ mới (tr. 737), phường - bản và *Kim Vân Kiều chú* chép : « Nói càng hổ-thẹn trăm chiều, Thì cho ngọn nước thủy - triều chảy xuôi ». Kinh - bản và quốc - ngữ cũ (tr. 186) chép là « Thà cho ngọn nước thủy - triều chảy xuôi » có lẽ phải hơn.

— Các bản đều viết « Chàng rằng : Nói cũng lạ đời, Dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy sao ? ». Duy kinh bản chép là « Nói kiểu lạ đời ».

— Câu « Dẫu rằng vật đổi sao dời Tử sinh cũng gửi lấy lời tử-sinh », kinh-bản chép là « Tử-sinh phải giữ ».

— Đến câu « Duyên kia ở phụ chi tình, Mà toan chia gánh chung-tình làm hai », kinh-bản chép là « Duyên ta có phụ chi mình Mà toan xẻ gánh chung-tình làm hai ». cả hai mới phải ; nếu theo cũ thì trùng vần hai chữ « tình ».

— Câu « Còn chi là cái bồng nhân, Đã xong chân-thế, còn toan nỗi nào », quốc-ngữ mới (tr. 742) chép là « nơ nào » (façon) thì không đúng.

— Cả bản đều viết « Chàng dầu nghĩ đến thân xa, Đem mình cầm sắt mà ra cầm kỳ » Duy kinh-bản chép là « gần xa », thì mới đúng, vì ta có tiếng « nghĩ gần nghĩ xa » ; còn như giữ « thân xa » đã không nghĩa, lại trùng tiếng với vế dưới.

*(Còn nữa)*

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

---

## Giới thiệu

I — *Vực thẳm* của Nguyễn Hồng-Phúc tiểu thuyết - Anh Hoa xuất bản — giá 4$00

II — *Trương Chi - Văn, một Hồng Diệp - kịch* thơ của Vũ Hoàng Chương Anh Hoa xuất bản giá 6$50 (có kèm 2 phụ bản nhiều màu)

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn.

TRI TÂN

## TRỞ LẠI CHỮ « BỘI »

(*Tiếp theo trang 11*)

Đi từ đó, tôi thấy Tàu dùng hai chữ « *bài ưu* » 俳優 để gọi kép hát (8). Nhựt cũng dùng hai chữ ấy, đọc Tàu, và đọc chữ *bài* là *hai*. *Hai* Nhựt thành *bội* Nam dễ-dàng lắm vì :

1) *vần H Nhựt thường đổi sang vần B ta* :

*Hachi* (Nhựt) 八 = *Bát* (Nam)
*Hachi* — 鉢 = *Bát* —
*Hai* — 貝 = *Bại* —
*Hai* — 俳 = *Bài* —
*Hai* (Nhựt) 倍 = *Bội* (Nam)

Còn nhiều ví dụ nữa, tôi chỉ kể chừng ấy đủ rồi.

2) *và vần AI Nhựt thường đổi ra ÔI ta* :

*Hai* (Nhựt) 灰 = *Bối* (Nam)
*Hai* — 灰 = *Hôi* —
*Hai* — 杯 = *Bôi* —
*Hai* — 配 = *Phối* —
*Mai* — 每 = *Mỗi* — v. v.

Theo trên, chữ *Hai* (Bài 倍) thành *BỘI* rất là thuận lý, ta không còn nghi-ngờ gì nữa. Phương chi ta còn có một chứng cớ hiển-nhiên là chữ 陪, Nhựt đọc là *HAI*, mà ta đọc là *BỘI*.

Thêm nữa, hai tiếng ta mà có chung một tiếng Tàu gốc — như tiếng *BÀI* và *BỘI* có một gốc 俳 của Tàu — là rất thường (khi đó một tiếng là nho, nghĩa là để đọc chữ gốc tàu, một tiếng là nôm, nghĩa là không thể để đọc chữ gốc tàu). Ta thấy :

tiếng 練 Tàu thành *Luyện* (nho), và Rèn (nôm) của ta.
— 簾 — *Liêm* — và Rèm (—) —

Những ví-dụ về loại này không biết cơ-man nào mà kể ra cho hết (ngay hai tiếng cơ-man cũng do hai tiếng Tàu mà ta đọc là lỷ vạn).

***

Trước kia, ông Đào dẫn chứng ở tiếng ta và tiếng Tàu, nay tôi dẫn chứng thêm ở tiếng ta và tiếng Nhựt để làm cho thuyết *tiếng Bội gốc ở chữ Bài* càng vững-vàng, chắc-chắn.

Nhưng nói thế không phải là tôi nhận rằng tiếng *Bộ* không có. Nó có thể có (dầu tôi chưa được nghe ở vùng tôi), song nó không phải là tiếng chữ, nó là tiếng nôm do tiếng *Bội* đọc trạnh ra, như ông Đào-trọng-Đủ đã giải rõ. Ta có ngờ đâu có nơi nói *vói* là *mấy*, *nhà* là *già*, *lá* là *lớ*...

HÒA-TRAI (Đại-lộc)

***

### Trả lời

Tôi không nói đến bài của ông Đào-trọng-Đủ, vì chẳng qua cũng là một ức-thuyết mà thôi : đã là ức-thuyết, thì chỉ lấy ý-kiến riêng, chứ có bằng-cứ gì chắc-chắn ? Vả lại, sau khi in bài phê-bình cuốn sách của ông Đoàn-Nông (ngày 6-7-1944), tức là trước khi đăng bài *Bàn góp*.. của ông Đủ (ngày 21-9-1944), tôi có nhận được thư của vài bạn đọc báo nói rằng có lẽ chữ « bội » do chữ « bài ưu » mà ra. Các bạn cũng có dẫn mấy chữ Tàu chữ Nhật thuộc vần « ai » mà sang tiếng ta là vần « ôi ». Nhận được thư, tôi có bàn với các bạn rằng : cũng bao nhiêu vần « ai » của Tàu của Nhật đều đọc sang tiếng ta là « ôi », thì cái thuyết chữ « bội » do chữ « bài » có lẽ đúng một vài phần (vì còn phải xét về lịch-sử, dưới này tôi sẽ nói). Nhưng vần « ai » lại đổi ra vần « ối », « ôi », « ỗi »... Thế thì lấy gì làm chắc ? In mặt chữ « ai » đổi ra « ôi » thì hình như phải, nhưng đến lúc đọc lên thì đúng dầu, vì tiếng ta có năm dấu (sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng), viết quốc-ngữ thì ai cũng đọc như ai, nhưng nếu tiếng Quảng-đông, Quảng-Tây... thì mỗi quyền dùng một lối diễn âm không quyền nào giống quyền nào.

Lối diễn-âm ấy, người nhựt gọi là « La-mã tự » (romaji), do chữ tây là « romanisation », nghĩa là dịch âm các tiếng ra chữ la-tinh tức la-mã. Quyển *Hòa Phật đại-từ-điển, Dictionnaire japonais français* của ông G. Cesselin, in ở Tôkyô năm 1939, giải nghĩa chữ « romaji » (ở trang 1509) là « lối dịch-âm tiếng nhật ra chữ la-tinh, mẫu-âm thì đọc theo tiếng Ý, tử âm thì theo tiếng Anh, trừ có vài chữ » (transcription phonétique de la langue japonaise en lettres latines ; la prononciation est, pour les voyelles, la même qu'en italien et, pour les consonnes à part quelques exceptions, la même qu'en anglais).

Lối dịch-âm tiếng Tàu lại phức-tạp hơn. Thế thì dựa vào đấy mà tìm cỗi rễ sao được ? Bà có nói

(8) *Ông Hoà-trai nói rằng « đi từ đó » ông « thấy Tàu dùng hai chữ bài ưu », ông nói thế thì hơi trái với trang đầu, ở chỗ ông dẫn chữ bài ưu là chữ tôi nói ra trước. Đến « vần h Nhựt thường đổi sang vần b ta » cũng hơi nhầm : tự-điển Nhật viết chữ ha và dẫn những chữ nho như sau này : nhận, — vũ, — bả, — ba, — phái, — phá, — diệp, — đoan, — sĩ, — thế thì bảo là vần b của ta sao đáng ? Ngay câu thí-dụ của ông Hoà-trai liền đấy, có một chữ hai của Nhật, mà ta đọc là bối, — hôi, — phối, — thế thì nói « thường đổi sang vần b ta » cũng không đúng (Ứng-hoè).*

thông-thạo, cũng chưa lấy gì làm chắc, vì chỉ học được lơ lớ mà thôi.

Ngoài việc xét âm, lại còn phải xét đến lịch-sử, xem có thật tiếng hát bội của ta bắt-chước của Tàu không? Mà bắt-chước vào thời nào? Tên Tàu lúc bấy giờ gọi là gì? Đọc thế nào? Tiếng Quảng-đông, Quảng-tây, Quan-thoại đọc có giống nhau không?

Chẳng có người nói rằng: Biết thế nào được lối đọc đời xưa? — Ấy thế mà có người nghiên-cứu ra. Người ấy là người Thụy-điển, tên là Bernhard Karlgren. Năm 1915 1924 có xuất bản một bộ sách, đề là «Khảo về ngữ-âm của Tàu» *Etudes sur la phonologie chinoise*), trong có một câu kết này nên nhớ, là «tất cả những tiếng khẩu-ngữ Tàu, hiện đã nhận xét, đều do một tiếng chung về đầu đời Đường» (Tous les dialectes chinois actuellement observés dérivent d'une même langue parlée au début de l'époque des T'ang, — xem *Bulletin de la Société de Linguistique de Paris*, q XXI, tr. 805).

Nếu đúng như thế, thì hiện nay ta đọc chữ Tàu không giống người Tàu, là ta theo tiếng Tàu về đời Đường hoặc trước đời Đường. Mà biết đâu cái tiếng hát «bội» chẳng ở thẳng chữ «bội phong», «bội độc» mà ra, tức là cứ nguyên âm mà theo, chứ không căn-cứ vào đâu mà bảo là ở chữ khác chuyển sang chữ «bội».

Nếu bảo ở chữ «bài» ra chữ «bội», thì chữ «bài» ấy viết nhân đứng chữ phi, thường viết thêm một nét phẩy ở trên nhân đứng (gọi là bộ chim chích), tức là những «bồi» «bồi bồi» nghĩa là dùng dằng đi lại, đi dấy bẩy là hát «bộ» cũng có lý. Nhưng nếu cứ đoán phỏng như thế mà, thì không biết đến đâu là bờ bến, mà vẫn không có bằng cứ đích xác.

Còn đến chỗ «tương-chứng» của ông Đủ đồ «vần *Ai* ra vần *Ôi*», rồi ông thí dụ mấy chữ «Hải» ra «Hồi» (Quảng-đông), «ngại» ra «ngồi» v.v., thì ngược lại với các thuyết ông bảo chữ «bài» ra «bội», vì chữ «bộ» là tiếng của ta bây giờ đang đọc; Nếu theo chỗ dẫn chứng thì tiếng «bội» là tiếng của người Tàu đọc, mà ta thì đọc là «bại» bay sao?

Cho nên khi một vị cổ đạo tên là E. Souvignet cho ra quyển *Việt ngữ khởi nguyên khảo*, *Les origines de la langue annamite*, tập I, *Malais et annamite*, *Khmer et annamite*, *Bahnar et annamite*, *Santali et annamite*, *Nikobarais et annamite*, *Dioi et annamite*, *Thaï et annamite*, *Sanscrit et annamite*, *Chinois et annamite*, *Mường et annamite*, *Langue annamite*, *Racines et dérivés* (in lần thứ tư năm 1924), tập kỷ yếu của trường Bác-cổ (q. XXII tr. 168 — 172) có phê-bình như thế này: «Vì thiếu phương-pháp lịch sử, tác-giả (Souvignet) đành phải dùng lối so-sánh. Ai cũng biết rằng nếu chỉ qui vào những tiếng giống nhau thì so-sánh hay sai, vì không có gì đối-giả bằng bề ngoài. Có những chữ bề ngoài khác nhau, như chữ «faire» của tiếng Pháp (nghĩa là làm) và chữ «to do» của tiếng Anh (cũng nghĩa là làm), thế mà hai chữ cùng một nguồn gốc. Lại như chữ «miel» của tiếng La-mã-ni và chữ «agneau» của tiếng Pháp (là con cừu con) cũng một cỗi rễ mà ra. Trái lại, có chữ bề ngoài y như nhau, mà không phải cùng một cỗi rễ: điều đó ai cũng đã công nhận, không phải bàn-bạc gì nữa. Như chữ Pháp «nombre» và chữ Tây-ban nha cũng «nombre» (cùng nghĩa là con số), chữ Pháp «feu» (là lửa) và chữ Đức «feuer» (cũng là lửa) chữ Anh «bad» là xấu và chữ Ba tư cũng là «bad», cũng nghĩa, nhưng không cùng một gốc mà ra... Vậy thì đọc có giống nhau, mà dẫu có giống nhau như in, cũng không lấy gì làm chắc là

(Xem tiếp trang 21)

**Thống-chế Pétain đã nói:**

Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm biểu lộ tinh thần của giống nòi bằng lời, nói, cử chỉ, cách làm việc tài sáng kiến và chí phát minh.

**HOA GẤM VĂN CHƯƠNG**

*Những câu tao đẹp viết bằng mực thơm vạn niên-chi nhành trên giấy gấm, nên ngân-ấn Bách-thảo-sương, Đông-thủy cổ-nguyệt, Dữ ma tịnh tác thập phần xuân, để trang-điểm cho cảnh thư trai khách-thính rất phong nhã. Hỏi:*

**NG. KHÁNH-ĐAM**
**12 Sabourain Saigon**

# Một cuốn sách nói về Không-giáo

*Ưng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Nguyễn Uyển - Diễm - mới làm một cuốn sách đề bình-phẩm quyển *Khổng giáo phê-bình tiểu-luận* của ông Đào Duy Anh xuất bản năm 1938. Cuốn sách của ông Diễm đề tên là *Khổng giáo với ô. Đào Duy Anh*, in trong « Tủ sách ngày mới » của Đại Học thư xã » được 174 trang, khổ giấy 11×18.

Ông Diễm viết ở trang 24 hai câu liền nhau như thế này: « Bắc-kỳ Trung-kỳ bỏ khoa cử, không tin Khổng-giáo. Cả triều-đình cũng dùng quốc-ngữ ». Nay thử xem có đúng như thế không.

Những « gia ngôn, ý hạnh » (lời nói hay, nết tốt và cả những cử-chỉ có thể làm khuôn phép dạy đời) của đức Khổng, phần nhiều chép ở sách *Luận-ngữ*, mà ngay thiên đầu *Luận - ngữ*, đã chép ba bài nói về « hiếu đễ », « lễ », « tín, cung », chính là những lời tinh-vi cốt-yếu của Khổng-giáo. Đức Khổng nói: « Đệ-tử nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ... », nghĩa là « Học-trò khi vào thì hiếu, khi ra thì đễ », ý nói lúc nào cũng phải giữ một lòng hiếu đễ. Đức Khổng lại nói: « chủ trung tín », nghĩa là « làm người cốt phải trung tín », cho nên ông Tăng-tử là cao - đệ của đức Khổng, mỗi ngày thường tự xét mình ba lần, chỉ sợ « mưu tính hộ người ta việc gì không được thật, cùng bè bạn chơi không được tin chăng? (vị nhân mưu nhi bất trung hồ? dữ bằng hữu giao nhi bất tín hồ?) Ông Tử-công khen đức Khổng có năm đức-tính là: ôn (hòa-hậu), lương (dễ-dãi, hiền-lành), cung (nghiêm-trang, kính-cẩn) kiệm (có chừng mực), nhượng (khiêm-tốn).

Nhưng cốt nhất ở hiếu đễ, hiếu đễ là cái gốc làm điều nhân, điều nhân cốt ở sự yêu, mà yêu thì không có yêu ai hơn cha mẹ, ấy cái gốc của Khổng giáo ở đấy, rồi suy ra mọi việc, như bốn việc ở cửa đức Khổng (Khổng-môn tứ khoa), cũng trước nhất đức - hạnh, rồi mới đến ngôn-ngữ, chính-sự văn-học. Vậy thì chữ hiếu ấy đời nào cũng phải theo cả, cho nên Tàu có câu « Bách hạnh hiếu vi tiên » mà ta thì có câu « Giữ hiếu niệm cho tròn một tiết, thì suy ra trăm nết đều nên ». Hiếu không những là ăn ở hết lòng với cha mẹ, lại còn phải làm thế nào để nối giỏi tông đường. *Mạnh-tử* có câu « Bất hiếu giả tam, vô hậu vi đại » nghĩa là « Bất hiếu có ba tội, tội không con là tội lớn nhất ». Chính cái đặc-điểm của Khổng - giáo ở chỗ đó: làm người phải có con cái thì nước mới da đình mà có cơ phú-cường được. Bằng có chắc chắn là nước ta mấy nghìn năm đánh Bắc dẹp Nam, bao phen cơ hồ tuyệt-duyệt, thế mà nòi giống vẫn sinh-sôi nảy-nở ở trên mặt đất Đông-dương này, chẳng phải là nhờ ở Khổng - giáo hay sao? Nghiệm trong khi ấy có nhiều nước khác bị tiêu-diệt đi, như nước Chiêm - thành chẳng hạn, là một nước không theo luân - lý Khổng-giáo.

Ngày nay, tuy đã bỏ Hán-học, không hay nói đến những danh-từ của Khổng-giáo, như tam cương (vua tôi, cha con, vợ chồng) ngũ-thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), nhưng phần đông vẫn *tin* rằng phải có năm đức thường và ba « giường mối » trong đạo làm người (dân nước, cha con vợ chồng, tức gia đình tổ-quốc) thì họa may mới « tranh sống » được.

Ông Diễm nhầm chữ « Khổng-giáo » với chữ « Hán-học », cho nên đến câu liền đấy ông nói rằng « Cả triều-đình cũng dùng quốc-ngữ », mà câu trên ông lại không nói đến Nam kỳ, chỉ nói Bắc và Trung mà thôi. Nước ta bỏ khoa-cử là không tin cái lối học hư-văn mà thôi, chứ chữ nho vẫn phải dùng: biện nay những đạo sắc thần và sắc phong cho quan dân trong nước vẫn toàn dùng chữ nho cả, trừ ra những bằng - cấp án-văn thì có một bên bằng quốc ngữ, nhưng vẫn còn một bên bằng chữ nho. Sổ địa-bạ và sổ hộ-khẩu ngày xưa toàn dùng chữ nho. Hiện nay tuy có làm bằng quốc - ngữ mà vẫn phải làm một bên chữ nho, vì tên làng, tên đất, tên người bằng chữ nho tất cả.

Cứ như vậy thì bỏ chữ nho cũng chưa bỏ hẳn được, huống chi lại nói là « không tin Khổng-giáo ».

Chẳng qua ông Diễm thích dùng những danh - từ mới, nhưng lại dùng sai. Những chữ như « giai đoạn, kinh tế, phong kiến » (tr. 45),

«đẳng cấp nông nô» (tr. 71), «chế độ phong-kiến thuần túy Việt-nam» (tr. 75). «Nông-nô bị bóc lột» (tr. 75, 79, v.v.), «đẳng cấp địa chủ» (tr. 78 v.v.), những chữ ấy không hợp với xã-hội ta ngày xưa. Ông Diễm còn nhầm lẫn nhiều, dù kể từng trang ra đây cũng không ích gì cho độc-giả.

Duy có việc Trưng-vương, ông Diễm bàn rất đúng: ông nói «Bà Trưng thủ xướng cuộc khởi nghĩa *quyết nhiên không phải vì thù chồng*» (tr. 69). Nhưng ông không lấy sử Tàu ra dẫn chứng. Ngày 21 tháng 10 tây vừa rồi, tôi đăng ở *Thanh nghị* (số 88, tr. 21) một bài về *Những cuộc khởi nghĩa trong đời Bắc thuộc*, có lấy sử Tàu ra nói «rõ ràng là vì Tô-Định tham-bạo, nên Bà Trưng khởi binh chứ không phải vì thù riêng mà khởi binh, như sử ta đã chép».

Sử Tàu mà chép việc nước ta thì thường sai những tiếng gọi, thì dụ như sử ta chép là «khởi nghĩa» thì sử Tàu chép là «phản» hoặc «loạn»; nhưng đến sự thực và công việc, thì dụ người ấy là người giỏi, trận ấy Tàu bị thua, thì người chép sử Tàu cũng không dám làm sai, cho nên trong *Hậu Hán thư* (q. 24, tờ 2 b) ở chuyện Mã-Viện người Tàu chép như sau này: «Con gái quận Giao-chỉ là Trưng-Trắc và em gái là Trưng-Nhị làm phản (Sử ta thì chép là khởi nghĩa). Trưng-Trắc là con gái quan Lạc-tướng huyện Mê linh, gả làm vợ Thi-Sách người huyện Châu-diên. Trắc là người rất dũng, thái-thú Giao-chỉ là Tô Định đem những phép nghiêm khắc ra bắt buộc (thế là sử Tàu cũng không dám ẩn cái tài của Trưng vương, mà lấp cái ác của Tô-Định), Trắc oán giận, cho nên làm phản». Như thế quyết-nhiên không phải là về thù chồng mà khởi nghĩa. Nguyên-văn chữ nho là «Giao-chỉ nữ-tử Trưng-Trắc cập nữ đệ Trưng Nhị phản. Trưng-Trắc giả Mê lịnh huyện Lạc tướng chi tử gả, giả vi Châu-diên nhân Thi Sách thê, thậm hùng dũng, Giao-chỉ thứ sử Tô-Định dĩ pháp thắng-trị. Trắc oán nộ, cố phản».

Giá ông Diễm dẫn sử chữ nho, thì có nhiều trang trong cuốn sách của ông bỏ bớt đi được. Còn nhiều đề khác nữa cũng thế, hơi rườm-rà mà không được gọn ghẽ rõ-ràng. Trang 7 ông có viết một câu rằng: «Đáp lại cái vội của ông Đào Duy Anh, tôi (Uyển Diễm) cũng vội viết bài này và cũng làm theo ông, cho *ra quách cho rồi*»: thiết-tưởng thế là một đề nhầm, vì các nhà làm sách đời xưa thường «tam thảo tam mạt» nghĩa là «ba lần thảo ba lần bỏ đi» mà chưa dám gọi là «hoàn cảo»; thế mà ông Diễm «viết vội» để cho «ra quách...» thì còn nói gì nữa? Nhưng xem ra ông cũng có công chịu khó tra khảo được nhiều sách nho. Giá ông không vội, thì có lẽ cũng bổ ích cho những vấn-đề ngụ luận về Khổng giáo.

*Ứng-hoà* NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

### Cải chính

— Trong bài *Hoàng Hậu Việt Nam* đăng ở Tri-Tân số 168 ra ngày 30 novembre 1944, cột thứ nhì câu: «*Nga Hoàng Nicolas II là con cố Đức Hoàng Guillaume II...*» xin đọc là «*Nga Hoàng Nicolas II là con một người cô Đức Hoàng Guillaume II.*

— Bài thơ «Trăng nước nghìn xưa» của Ngân Giang câu thứ 5 hai chữ «*cung nỏ*» in nhầm là *cung nó* xin cải chính.

---

## ĐỌC SÁCH

*(Tiếp theo trang 9)*

lấy phong, hoa, tuyết nguyệt làm ý chính những chuyện mất hồn trông thấy tai không nghe thấy đại khái như núi Thái sơn, sông Hoàng-hà v.v., hay những truyện thần tiên, quái đản. Ngày nay ta may được nhìn rõ chân lý hơn cổ nhân, ta đã được biết chuyện nền tảng, văn minh của các dân tộc, những lệ phố hưng, những hội hỉ thái, ta sẽ định cái giấc mộng của ta mà xây dựng lấy một nền văn-hóa cho nước nhà.

Sự bổ ích lại còn ở cả những chỗ thực tế hơn nữa.

Những sách về khoa học dạy cho ta những lẽ của tạo hóa mà xưa kia ta cho là thần bí thiêng liêng. Chiếc tầu đồng là một cơ quan máy móc không phải là một con tàu quái như tờ tình của quan Trấn Hải đời khi trước.

Vả cái học ngày xưa sở dĩ có sai lạc đi như vậy là người ta quên câu «cách vật, trí tri» mà quá say mê văn chương khoa cử, cho nên về lúc Hán học suy tàn mới có những chuyện nực cười như vậy, bắt ra học chữ Hán mà hiểu rõ nghĩa Thánh hiền thì lại khác.

Đó cũng là một bài học mà chúng ta cần phải đem ra suy nghĩ.

. . . . . .

TIÊN-ĐÀM

## BIA VĂN MIẾU

# NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU - LÊ

Số 105

*Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TỐ

5 — **Phạm - lân - Định**, người xã Đông - ngạc, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn - tây. Năm ba mươi mốt tuổi, đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân khoa giáp-tuất (1514) là năm thứ sáu niên hiệu Hồng - thuận, đời Lê Tương-dực. Làm quan đến chức thừa-chính sứ. Là bác Phạm - thọ - Chí, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-sửu (1577), là đường tằng tổ Phạm Hiền-Danh, đỗ tam giáp tiến - sĩ khoa bính-tuất (1646), là vị - tổ Phạm Quang-Trạch đỗ bảng-nhãn khoa quý - hợi (1683) và Phạm-quang Dung đỗ tam - giáp tiến - sĩ khoa bính - tuất (1706). (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 8 a).

6. — **Nguyễn - bỉnh - Đức**, người xã Tuấn - quang, huyện Quảng-đức, phủ Phụng-thiên. Nay ở xã Hương-cảnh, huyện Từ-liêm. Năm hai mươi hai tuổi đỗ hội nguyên khoa giáp - tuất (1514), vào đình-đối đỗ đồng tiến - sĩ. Đổi tên là Ninh - Bang. Cuối đời Thống-nguyên (1527) làm quan đến thượng-thư, tước khánh-khê-hầu. Nguyễn - Bỉnh - Đức là bạn đồng chí của Mạc-đăng Dung từ thuở nhỏ, nên khi Mạc-đăng-Dung cướp ngôi, Bỉnh-Đức có công tán thành, dần dần làm đến thiếu - sư, tước Liêm-quốc - công, được Mạc-đăng-Dung cho họ là Mạc, về sau cậy công kiêu-ngạo, bị quyền thần của nhà Mạc giết chết (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải - dương, Phụng-thiên, tờ 107 a). *Đăng khoa lục* (q. 2, tờ 14 a) chép: « Làm quan đến thiếu-phó, kiêm đông-các, tước quận-công... ».

7 — **Bùi - công - Phụ**, người xã Đồng-lạc, huyện Kim-hoa, phủ Bắc-hà, trấn Kinh - bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan đến Lại-bộ thượng - thư (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh - bắc, tờ 70 a).

8.— **Phạm-minh Du**, người châu Tân-yên, phủ Hải-đông: đây là theo bia Văn-miếu, còn *Đăng khoa bị khảo* chép là người xã Cẩm-bồ, huyện Tiên - phong, phủ Quảng-oai, trấn Sơn - tây. *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 14 a, in là: « người xã Cẩm-bà, huyện An-lão, sinh ra Phạm Đốc-Phủ » Đến q. 2, tờ 28 b, chép truyện con Phạm-minh-Du là Phạm-đốc-Phủ, lại in là « người làng Cẩm-phố huyện Tiên-yên ». Cứ như thế, cùng một quyển sách in, mà chép quê-quán cha con lại khác nhau. So với *Đăng khoa bị khảo* thì chép là *Cẩm-bồ*, chữ « bồ » bỏ « thảo đầu » thành chữ « phố », « Tiên-phong » và « Tiên-yên » có lẽ là một. Còn như chép « An-lão » và « Cẩm-bà » thì nhầm, vì chữ « lão » với chữ « tiên » gần giống nhau, dễ lẫn; nhưng xét đến huyện An-lão không có tên Phạm minh-Du và Phạm-đốc-Phủ. Phạm minh-Du năm hai mươi bốn tuổi, đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan đến thừa-chính, sinh ra Phạm đốc-Phủ đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1538 (theo *Đăng-khoa bị-khảo*, q. Sơn-tây, tờ 69 a).

9. — **Vũ-quang-Tức** (theo bia), *Đăng khoa lục* chép là Vũ-Tuân đổi là Quang-Tức, người xã Vĩ-Vũ, huyện Vũ-ninh (Võ-giàng), phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1514. *Đăng-khoa bị-khảo*, (q. Kinh-bắc, tờ 7 b và 8 a) chép tên là Quang-Tức, đổi ra Tuân. Khi Mạc-đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê, Quang-Tức làm quan với Mạc. Trong niên-hiệu Quảng-hòa (1540-1546) đời Mạc Phúc-Hải, Quang-Tức sung chức phó-sứ bộ công sang nhà Minh. Làm quan đến thượng-thư, tước Dụ-lễ hầu. Là con Vũ Tấn-Châu, đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1496, là anh Vũ-hữu-Dụng, đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1532.

10 — **Nguyễn-điền-Kính**, (*Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 14 b. chép là Phạm điền-Kính), người xã Đào-xá, huyện Lang-tài, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. đỗ tam-giáp khoa 1514. Khi nhà Lê mất, Điền-kính chưa được làm quan, nên theo Mạc. Năm nhâm-dần (1542) Mạc Phúc-Hải sai sang nhà Minh về việc cầu-phong. Nhà Minh phong cho Phúc-Hải chức Đô-thống-sứ, có cả ấn sắc. Lúc bấy giờ Điền-Kính tạm nhận làm chức tuyên phủ đông-trù. Sau Điền-Kính lại sung chức chánh sứ sang nhà Minh để tạ ơn. Làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, tước Văn-ninh hầu (*Đăng-khoa bị-khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 114 a).

Về việc Nguyễn Điền-Kính đi sứ, *Khâm-định Việt-sử* (q. 27, tờ 38 b) chép như sau này

« Năm nhâm-dần (1542) là năm thứ ba niên hiệu Quảng-hòa đời Mạc Phúc-Hải, tức là năm thứ mười niên hiệu Nguyên-hòa đời Lê Trang

tộng, mùa thu tháng tám, Mạc Phúc Hải sai bảy tôi là Nguyễn Điền-Kính sang nhà Minh. Nguyên nhà Minh đổi nước ta làm « An-nam đô-thống-sứ ty », cho Mạc-đăng-Dung sắc ấn và lịch đại-thống. Khi sang đến nơi thì Đăng-Dung đã mất, cháu nội là Mạc Phúc-Hải nối ngôi. Nay Phúc-Hải sai sứ tức Nguyễn Điền-Kính đem phương vật sang tạ ơn » Phương-vật tả ơn *Khâm-định Việt-sử* gồm *Đại-Việt thông-sử* của Lê-quý-Đôn, chép như sau này : « Bốn cái lư-hương và bình-hoa bằng vàng, nặng 190 lạng ta (hơn 7 cân tây) ; — một con rùa vàng, nặng 90 lạng ta (hơn 3 cân tây) ; — một con hạc và một cái đài bằng bạc, nặng 51 lạng ta : — hai cái lư-hương và bình-hoa bằng bạc, nặng 150 lạng ta ; — mười hai cái mâm bằng bạc, nặng 641 lạng ta : trầm-hương 60 cân, — tốc-hương 48 cân : — giáng-hân-hương 30 cân ; — tê-giác 20 cỗ, — ngà-voi 30 cái. Ba năm một lần đem cống, phương-vật cống y như thế, thành ra định-lệ

Từ số 11 trở xuống, bia với sách khác nhau ; ấn lượt trên dưới ở đây là theo bia.

**11. — Phạm Kính-Trung**, người xã Lai-xá, huyện Lang-tài, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam-giáp khoa 1514. Làm quan với Mạc đến chức đại-lý-tự-khanh, tước hầu (*Đăng-khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 124 b)

12 — **Phan-đoan-Thông**, người xã Kiên-cương, huyện Bạch-hạc, phủ Tam-đái (Vĩnh-Tường) trấn Sơn-Tây Năm hai mươi chín tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1514 Lúc đầu bổ làm chức [illegible] Những ấn nghi ngờ, ông dồn quyết đoán được chông. Vua ban khen, thăng làm Hình bộ hữu-thị lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn tây tờ 62 a-b).

13 **Lê-Duy-Lương**, người xã Cẩm-đái, huyện Trường-tân (trong bia khắc là Gia-phúc, hiện nay là Gia-lộc), phủ Hạ-hồng, trấn Hải dương. Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1514. Làm quan đến thượng thư, tước bá (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương tờ 58 a).

14. — **Vũ-hữu-Nghiêm**, người xã Cửu-cao, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam giáp đồng-tiến-sĩ khoa 1514 *Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 14 b).

15 — **Đoàn-Sư-Đức**, người xã Văn-xá, huyện Thiên-thi Lang-tài), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan với Mạc đến thượng thư phụng mệnh đi sứ sang Tàu về việc cần phong. Được tước Văn-hà hầu, tri sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, q Kinh-bắc tờ 124 b)

16. — **Nguyễn Cảnh Quỳnh** người xã Vụ-dông, huyện Giáp-sơn, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ tam-giáp khoa 1514. Làm quan đến hàn-lâm viện kiểm thảo (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 96 b).

17 — **Nguyễn-Châu-Mạo**, người xã Khê-ngoại, huyện Yên-lãng, phủ Tam đái, trấn Sơn-tây, năm hai mươi sáu tuổi, đỗ tam giáp khoa 1514. Làm quan đến phó-đô ngự sử (*Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 15 b).

18. — **Nguyễn-Kính-Hòa** người xã Diên-trường, huyện Thanh-Liêm (Thanh-tri), phủ Thường-tín, trấn Sơn nam. Năm ba mươi tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1514. Làm quan đến đô-cấp-sự-trung. Là cháu Nguyễn-Đạt đỗ đồng tiến sĩ khoa 1442 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 6 a-b). *Đăng-khoa lục* (q. 2, tờ 15 a) chép là « con Nguyễn-Đạt » thì nhầm, vì cùng *Đăng khoa lục* (q. 1, tờ 53 a) chép « Nguyễn-Đạt là ông nội Nguyễn Kính-Hòa ».

19. — **Nguyễn-Hanh-Gia**, người phường Đông-các, huyện Vĩnh-xương (Thọ xương), phủ Phụng-thiên, Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1514. Làm quan đến hàn-lâm viện kiểm thảo (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương Phụng thiên, tờ 104 a).

20 — **Trần-Viên**, người xã Nhật-cốc, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên. Nhà ở xã Thượng-cát, huyện Thanh-oai. Đỗ tam giáp khoa 1514 (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 15 a). *Đăng khoa bị khảo* q. Sơn nam, tờ 50 a) viết là « người xã Vĩnh-lữ, làm quan đến tả-thị-lang ». (*còn nữa*)

*Ứng hồe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐANG IN LẦN THỨ 2 :

LÀM BẾP GIỎI

*Sách giá hơn 310 trang Có thêm nhiều bài mới lạ. In có hạn, Xin trả tiền trước. Không gởi lĩnh hóa giao ngân.*

Giá 10$ [illegible] phí 1$

*Nhà xuất bản Phụ-Nữ phát hành Thư và mandat đề cho :*

Bà ĐÀO THỊ MINH

*118 Duvillier — Hanoi*

## Ba người thợ...

(Tiếp theo trang 12)

đỗ, nhưng nếu khéo đẽo khéo trạm thì có ngày trả gụ cũng nên »

«...Nhờ cả các bực cựu học ân học, trong nước, vun giồng cho cái mầm quốc-văn, mấy nỗi mà mọc thành cây, sinh hoa kết quả, thân tốt đẹp, cho cái vườn cũ đất Việt Nam này. Mà tân học thì phỏng cái lối thuyết lý là thực của Âu châu mà vực cho thời nôm được rõ ràng thiết thực trong phép trực tiếp hơn gián tiếp. Nhà nho học thì theo cái lối từ chương bền ngẫu dùng phép gián tiếp hơn phép trực tiếp. Hai lối đều hòa với nhau thì quốc văn cũng được đủ tư cách mà ra ứng đối trong cõi văn chương.

«...Xin đồng bào chớ nhãng bỏ, chớ khinh rẻ, văn quốc ngữ, cái tương lai ta ở đó.

Văn quốc ngữ

*(Nam phong số 9 Août 1917)*

Tôi đã trích lục giải dông bài trên này vì muốn để ghi lấy cả cái giọng thâm thiết của người viết ra nó. Cách đây non hai mươi nhăm năm, khi quốc văn chưa thành hình, cái tinh thần quốc-gia còn hại nhược, tưởng ai đọc bài này cũng phải cảm động, phải suy nghĩ mà quyết bỏ cái thái độ lãnh đạm đối với quốc-văn từ trước đến nay.

Một lẽ nữa, là trong bài, tôi nhận thấy gồm tất cả những tư-tưởng chính về với quốc-văn của ông. Những tư tưởng này, trong trên dưới mươi lăm năm, khi làm báo Nam phong khi diễn thuyết ở các hội học ở nước nhà hay ở ngoại quốc hễ có dịp là ông đem ra bày tỏ.

## Mấy nhà từ-thiện...

(Tiếp theo trang 3)

Về thành số mỗi năm Hội đã nuôi được bao trẻ, tôi chưa khảo được vì thiếu tài liệu. Nay chỉ xin kể sơ một vài con số hằng ngày ở những tháng những năm mà tôi đã tìm được chắc chắn

Năm 1937

| | | |
|---|---|---|
| Tháng tư (3) | 65 trẻ | (4) |
| Tháng năm | 46 » | (5) |

Năm 1942 (6)

| | | | |
|---|---|---|---|
| Tháng giêng | từ 35 | đến 39 | trẻ |
| Tháng hai | » 19 | » 56 | » |
| Tháng ba | » 27 | » 36 | » |
| Tháng tư | » 33 | » 41 | » |
| Tháng năm | » 29 | » 37 | » |
| Tháng sáu | » 26 | » 32 | » |
| Tháng bảy | » 26 | » 35 | » |
| Tháng tám | » 28 | » 40 | » |
| Tháng chín | » 23 | » 39 | » |
| Tháng mười | » 24 | » 28 | » |
| Tháng một | » 20 | » 30 | » |
| Tháng chạp | » 21 | » 26 | » |

Năm 1943 (7)

| | | | |
|---|---|---|---|
| Tháng giêng | 24 | trẻ | (8) |
| Tháng hai | 21 | » | |
| Tháng ba | 24 | » | |
| Tháng tư | 33 | » | |
| Tháng năm | 39 | » | |
| Tháng sáu | 37 | » | |
| Tháng bảy | 32 | » | |
| Tháng tám | 33 | » | |
| Tháng chín | 45 | » | |
| Tháng mười | 46 | » | |
| Tháng một | 28 | » | |
| Tháng chạp | 39 | » | |

Đến năm 1944 này, vì thời cục nghiêm-trọng, trẻ con đều tản cư cả Hôm tôi đến thăm nhà hội, không biết số trẻ đã dời lên nuôi ở ấp Phú-ninh được bao nhiêu, chỉ thấy vị sư «trụ-chỉ» ở hội quán nói với tôi rằng từ rằm tháng bảy ta, Hội gửi mười trẻ vào trường học của ông Nguyễn Hữu Kha (pháp-hiệu Thiền-trửu, tác-giả bộ *Hán Việt tự-điển bị yếu*) ở gần lỉnh-lỵ Hà-đông.

HOA-BẰNG

---

*(3) Kể một ngày trong một tháng để làm lệ. Những tháng ở dưới cũng thế.*

*(4) Theo tờ nhận xét đề ngày 21 avril 1937 của một hội viên.*

*(5) Kể một đêm số trẻ, ngủ lại ở nhà Hội — Theo tờ nhận-xét đề ngày 29 mai 1937 của một hội-viên.*

*(6) Theo bảng kê hằng ngày nhận trẻ đã niêm yết ở hội quán.*

*(7) Theo bảng niêm yết ở hội quán.*

*(8) Kể một ngày trong mỗi tháng để làm lệ cho biết đại khái, vì tờ niêm yết này rách.*

## Trong mấy tập diễn thuyết về một vấn-đề văn học không lần nào là ông không cổ động đồng bào luyện quốc văn, tỏ lòng tin ở tương lai quốc văn :

Năm 1921 diễn thuyết ở Hội trí tri về tục ngữ ca dao :

« Tôi bình-sinh chỉ có một chút nhiệt thành là nhiệt thành với chữ quốc ngữ, hết sức trông mong về cái vận mệnh quốc-văn ta sau này, thường nghe thiên hạ phẩm bình về văn quốc-ngữ, người khen thì bả dạ, người chê thời đau lòng, dường như có quan-hệ đến công phu bấy lâu nay, sự nghiệp của một đời...»

*(Diễn thuyết về Tục ngữ ca-dao)*

Lại năm 1921, cùng ở hội học trên nói về văn-học nước Pháp ông kết luận.

(*Còn nữa*)

LÊ-THANH

## Con đường thiên-lý

(*Tiếp theo trang 7*)

Tàu và Lạng-sơn của Việt, cho tới ga Aranya, biên-giới giữa hai nước Thái-Lan và Cao-Mên. Đoạn chành thuộc đường thiên-lý cũ là đoạn nối ba thủ-đô Sàigòn, Huế, Hànội dài 1875 km.

Thêm vào đó 1738 km đường xe lửa làm trong 34 năm từ 1897, lúc quan cố Toàn-quyền Paul Doumer đề xướng đến ngày 2 tháng 9 năm 1936 là ngày khánh-thành con đường sắt xuyên Đông-Dương.

Và hãy kể luôn 1720 km giây điện-tín chạy dài theo đường thiên-lý để thông tin-tức khắp Bắc, Trung, Nam.

Có nhiều đoạn của đường thuộc địa số 1 bây giờ không phải hẳn là đoạn đường thiên lý cũ. Một thí dụ nhỏ mọn : đoạn đường Biên hòa — Bình thuận Đường số 1 tách rừng xanh của Xuân lộc — Gia ray. Trái lại, theo tài-liệu riêng của chúng tôi, đường thiên-lý, từ Biên-hòa, ngang qua Long thành ra tới huyện Phước an (Bària) chấm cầu bằng những trạm Trôn-Cao, Thị-Vải Ông-Tịnh. Rồi từ đó, nó đi trước cửa huyện trải qua bàu Banh-ít, cầu Tham-lương, chạy xuống Lưới-rê (Phước hải), theo bãi biển đi thăm những bến chài Hồ Tràm, Cù-my, La-gi và vẫn không quên vòng quanh chưn hòn Thần-mẫu.

Đường T. Đ. Số 1 cũng như đường xe lửa, bằng phẳng mà thênh-thang, trải đá hay là tráng nhựa. Núi cao đã có tray đạo, thung-lũng đã có bạn kiều, và sông rộng và sâu đã có ghe máy vững-vàng, cầu-cống chắc-chắn. Du khách đi suốt nước Việt bằng xe hơi chỉ mất độ 3 ngày, bằng xe lửa chỉ trong 40 giờ.

Còn đâu nữa những miếu thờ thần, đường xá trong do lành nhân đốt nén nhang thành-tín để cầu sự bình an : Còn đâu nữa những nhà trạm lụp xụp, hoang lương chỉ ồn-ào khi công văn tới với hỏa bài hay là bài thượng mã. Con đường thiên lý âm-u vắng-vẻ đã bị ngày tháng vô tình đưa vào cõi tối của sự quên lãng trong lòng người. Nhưng ta phải nhận rằng là đường T. Đ. Số 1 chỉ là con đẻ của đường thiên-lý mà « *con hơn cha là nhà có phúc* »....

***

2.585 km về đường T. Đ. Số 1, 1738 km về đường xe lửa, 1720 km về đường điện-tín, đó là ba mối liên-lạc cần cho sự hợp nhứt ba kỳ về cả hai phương-diện, tinh-thần và vật-chất. Những số kểch xù ấy, ở đấy, đầy ý nghĩa biết bao ! Những số ấy càng tăng, thì cách giao thông càng tiện.

Thế thì chúng ta ngần-ngại gì mà không lợi-dụng những sự thuận-tiện ấy để đạp-đổ bao nhiêu thành-kiến, để chiến-thắng bao nhiêu khó khăn, để đi đến chỗ hoàn-toàn hiểu biết nhau, thương yêu nhau, giúp đỡ nhau, sống chết có nhau, hầu gây lại cho nòi sông cái màu tươi sáng mà trong hồi Nam tiến xưa kia, tổ-tiên ta đã không chán ngắm nhìn dọc hai bên đường thiên-lý.

KHUƠNG-VIỆT

## TRỞ LẠI CHỮ « BỘI »

(*Tiếp theo trang 15*)

cùng một cỗi rễ. . . » (La méthode historique faisant défaut l'auteur en est réduit à faire appel à la méthode comparative. On sait le danger qu'il y a à se référer exclusivement aux ressemblances que les langues présentent entre elles. Rien n'est plus décevant. Alors que des mots aussi dissemblables d'apparence que le français *faire* et l'anglais (*to*) *do* remontent à une même origine, qu'il en est de même du roumain *miel* et du français *agneau*, il est hors de discussion que des termes d'apparence identique peuvent n'avoir étymologiquement rien de commun. Ainsi le français *nombre* et l'espagnol *nombre*, le français *feu* et l'allemand *feuer*, l'anglais *bad*, « mauvais » et le persan bad de même sens. . . Une ressemblance phonétique ne prouve donc rien, même si elle va jusqu'à l'identité...

Phải tra-cứu theo phương-pháp lịch sử, không nên theo bẩn lối phát âm hay lối dịch âm.

Những người Tây chuyên-khảo về khoa ngôn-ngữ, như ông A. Meillet, đều nói rằng muốn tìm nguồn gốc một chữ nào, cần phải xét cả lịch-sử với tiếng nói. Vậy mà những nhà chủ-trương thuyết « bài = bội » chỉ xét có tiếng nói, — mà tiếng nói cũng không xét đủ : các dấu là phần quan trọng nhất của tiếng ta với tiếng Tàu, lại không xét đến, chỉ nói « vần *ai* của Tàu hay của nhật thường đổi ra vần *ôi* của ta » ! như thế thì gọi là « tia sáng » sao được ? mà bảo thuyết này « khoa học » hơn thuyết kia !

*Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

### Tìm bạn mới

*Hàm văn-chương, nhất là về lịch sử và địa dư, muốn tìm bạn khắp ba kỳ để trao đổi ý kiến và tài liệu về lịch sử và địa dư từng tỉnh*

*NGUYỄN-ĐÌNH-TƯ*
*Đệ-tử Thuận-An-Vinh*

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

# An Tư

*« Khiến nhân tổng An-Tư công-chúa và Thoát-Hoan, đục thư quốc nan đã. »*
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

*Kính tặng hương hồn mẫn thân*

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 21

Nàng biết chuyện Vương vì quá nóng đã định tự vẫn, rồi sau vượt được lên đan đớn, cúi đầu trước sự cần thiết mà quốc gia đòi hỏi Vương tìm sự an ủi trong cái hi vọng cứu nàng nay mai. Nàng thở dài:

— Liệu có thành công không? Ôi Vương-gia, biết lấy gì mà báo đáp Vương-gia?

Nàng trông suốt nỗi đau thầm trọng gấu trong cái thân thể cường tráng của bạn tình. Con ngựa nâu bon bon tay chàng cầm cương như đùa bỡn, thanh bảo kiếm gia truyền mà chàng đã hai lần tuốt cho nàng xem thỉnh thoảng đánh vào sườn ngựa, tự nhiên có một âm hưởng êm dịu khác thường. Người chàng nhẩy trên mình ngựa có một vẻ cực kỳ luyến ái. Nàng muốn, trong một lúc yêu mãnh liệt, choàng ôm lấy người tráng sĩ, rồi vào tai chàng muộn nhờ âu yếm, và biến cả thân nàng không một mảy may hẹn tiếc trong một cuộc ân ái say sưa. Nàng bỗng ân hận đã để qua một trống canh vô nghĩa, và đã để lỡ phút duy nhất được hoàn toàn sống với người yêu. Nàng tự thấy còn bao nhiêu điều đáng nói.. Bốn mắt gặp nhau mà nàng ủng hồng tuởng như người tình hiểu ý.

Tiếng dân gian, chỉ trỏ thi-thào Chắp nối những nhời lọt đến tai nàng, An Tư biết họ đang khen mình đẹp, thán phục đức hi sinh của nàng, ca tụng hoàng gia và phàn nàn cho cuộc tình duyên. Trông rõ nhiều người như rơm rớm nước mắt. Nàng tự cảm tương thân phận, hai hàng lệ rỏ dòng dòng, Đồng thời, tiếng sôi sụt ở đâu nổi lên, lan từ người gần cho đến người xa, từ dân gian cho đến quân sĩ. Thật là cảm động khi những anh hùng xông pha mưa gió, gan như sắt đá, cái chết lúc nào cũng cầm sẵn trong tay, cũng phải rỏ lệ thương tâm. Nàng lại càng thổn thức, trước cái cử chỉ bất thường và chân thực của làng hồ thỉ.

Tướng sĩ uy nghi, cơ nào đội ấy, rõ thực là tề chỉnh. Nàng nghĩ thầm:

— Cứ trông quân sĩ, ta đã thấy trước ngày chiến thắng. Sao mà đẹp và oai phong đến bực ấy. Thực là một cảnh tráng quan.

Nàng cố nén bảo mọi người:

— Các ông ở lại nhé.

Có tiếng đáp:

— Vâng, xin Công-chúa ra đi. Công-chúa lập công trước, chúng tôi xin nối gót sau, theo gương Công-chúa. Chúng tôi thề rửa được cái nhục này, cứu được Công-chúa, mới không hổ tiếng con trai Đại-Việt.

Có người quá thương tâm và cũng hăng hái, hô lên như để tỏ hết cảm tình với Công-chúa:

— Thế nào cũng cứu được Công chúa mới nghe. SẠT THÁT!

Tiếng hô ấy vừa dứt, thì tất cả quân đội đồng thanh hô lớn, ầm ầm như tiếng sắt tiếng gang. Những mắt lệ long lanh, những nét mặt gần guốc, như tươi tỉnh lên vì tiếng hô quen thuộc, anh hùng, mà họ thường biểu lộ trong những dịp vô cùng tuyệt vọng hay phẫn khích. Lửa nhiệt thành như truyền trong máu mọi người, lòng phấn đấu sôi nổi như sóng bão, trong khoảnh khắc, thương cảm đã nhường bước cho một tinh thần dũng mạnh tuyệt vời. An-Tư không ngờ vô ý thức, nàng đã là một trong những mối đã kích thích tướng sĩ và đã làm tăng cái sức chiến đấu của những người mang trọng trách giữ vững chiếc âu vàng. Hồn nàng cũng hòa theo hồn chung của quân sĩ, nàng tự thấy hi-sinh của nàng không đáng kể đối với những hi sinh nặng nề của ba quân.

Ngựa nàng đã ra đến bến. ở đấy nàng đã thấy đức Thượng-hoàng, đức Thiệu-bảo, Chiêu-văn vương, Nhật-Duật, Hưng-đạo vương Quốc-Tuấn cùng nhiều quan văn võ đứng chờ. Nàng vẫn thấy Thượng-hoàng với nét mặt buồn rũ rượi, và con mắt bất nhẫn:

đột nhiên nàng thương người anh hữu ái mà nhiều lúc nàng vẫn cảm hờn. Hưng-đạo vương nhìn nàng thận mật: nàng tấm tắc khen thầm cái hình dáng vững trãi và nét mặt cương quyết của vị chủ tướng ba quân. Đã lâu, bây giờ nàng mới lại gặp Quốc-công, một người mà nàng vẫn kính phục. Nàng biết chính Hưng-đạo vương là người đề nghị việc dâng nàng cho Thoái Hoan. Không có nhời của Vương, có lẽ anh nàng cũng không nghĩ đến việc ấy. Vậy mà trước mặt con người kỳ dị và oai nghi kia, nàng cũng không có một ý gì oán ghét. Chiêu-văn vương thì chạy lại ngay đón nàng, theo cái tính niềm-nở của Vương, nhất là đối với An Tư.

Xa xa là bể mênh mông, bấy giờ đang yên lặng, nhưng không biết sóng gió dữ dằn với bao giờ, có khi trong chốc lát. Ngoài bể, một chiếc thuyền rồng hoa-lệ đậu bên hai chiếc chiến thuyền. An Tư chưa chát nhìn trời bể, thuyền rồng. Đến đây là tuyệt vọng, là xa hết người thân, và bắt đầu từ đây là bể bắc thù và quân thù vây ấc. Lòng nàng bỗng chốt điếng đi trong giây phút.

An Tư xuống ngựa. Trời trên người, lại bày ra một cảnh thiên nhiên rực rỡ. Không-trung xanh ngắt điểm những bông mây bạc, bể cả rập rờn những gợn sóng nâu biêng biếc, ánh những vầy vàng. Xa tít chân trời, mây nước hợp nhau trong một đường biên tím. Một ánh sáng vàng tươi tự cả vào cái bến phân ly. Những màu sắc của cờ quạt, phẩm phục rồ trong bầu trời vui như hội. Gió mát thổi reo mừng, và sóng bể đánh vào bờ nhịp nhàng như một điệu khúc...

Người ta đã dắt con ngựa bạch của nàng xuống chiếc thuyền. Hoặc vì sợ bể, hoặc vì linh tính báo cho nó biết cuộc phiêu lưu của chủ, nó lồng lên không chịu xuống, bốn vó nhẩy chồm chồm. Khi người ta cố ấn được nó xuống thuyền, nó vẫn hung hăng. Ngựa tiếng hí bất lực của con vật mình khôn, không ai không khỏi ngậm ngùi.

Vua Trần-Anh-Tông là người rất để dặt về việc An Tư, và phó mặc cho Phụ hoàng và Chiêu-văn vương lo liệu, đến đây không giữ được nổi thái độ khách quan. Ngài vốn giầu tình cảm, nhưng không biết nói ra sao. Ông vua quả cảm nhất nhà Trần, người đã đánh khinh thường quân Mông Cổ, và dám bắc hết những điều yêu xách nhũng lam của tự Bắc, hẳn có tài kết dân tâm, hiểu lẽ tướng sĩ, nhưng trong gia đình thì rất phục tùng Thượng-hoàng, và tỏ vẻ vụng-về trong việc khu xử, nhất là đối với đàn bà. Trong giờ từ biệt, Ngài tự thấy ngượng vì sự im lặng quá đáng của mình, ngài rảo bước theo Chiêu-văn vương, để cho Vương chào hỏi An Tư xong, Ngài nói:

— Nay Công-chúa vì việc nước ra đi, hoàng gia thương cảm, quân sĩ ái ngại, chẳng qua là cái tội ở cháu đây cả, cháu làm vua một nước mà phải đem dâng hiến một người chí thân cho giặc, thực cháu lấy làm nhục lắm.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN HUY TƯƠNG

## HỘP THƯ

*— Ô. Vũ q. Lộc Hanam : ba tháng giá 9$ Xin gửi nốt 3$ thiếu cho đã gửi báo rồi.*

*— Ô. Tân Việt Thái nguyên, đã xét đúng xin lỗi.*

*ĐÃ CÓ BÁN*

**VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾU**

*DƯƠNG QUẢNG HÀM Giáo sư trường Trung Học Bảo-Hộ Hà-nội* — 500 trang khổ 15×22 lớn

**DANH TỪ Y HỌC (TẬP A VÀ B)**

*PHẠM KHẮC QUẢNG Y-khoa Bác sĩ — LÊ KHẮC THIỀN Ngoại-trú Y-sinh*

**ĐẠI NAM HÌNH PHÁP**

*LÊ TRUNG CHÁNH Luật-khoa Tiến-sĩ Thẩm Phán tại tòa Thượng-thẩm Hà-nội*, 350 trang khổ 13×20

**Nhà in XUÂN THU, 214, Hàng Bông — Hanoi**

Đã có bán :

# DÊM HỘI LONG TRÌ

Lịch sử tiểu thuyết
của NG. H. TƯỞNG

GIA 3$60
thêm cước 0$70

TY XUẤT BẢN TRI TÂN
95-97, Chanceaulme, — HANOI

ĐÃ XUẤT BẢN ĐỦ BỘ

# CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân Dương Bá Trạc soạn

*Tác giả, bình sinh sở đắc về chữ nho, lại sau bao nhiêu năm xem sách, nghiền ngẫm và dạy học, đã tìm ra được cái mẹo mực, cái qủy thức nhất định về sự học chữ nho, nay gom góp đủ vào bộ sách này, cốt cống hiến những bạn muốn học chữ nho có được cái lợi khi hoàn toàn để học lấy một mình được.*

Toàn bộ 2 quyển — giá 1$00 cước 0$15
*(không gửi lĩnh hóa giao ngân) để cho :*
hiệu sách Đông Tây, 195,
phố hàng Bông — HANOI

*Mua buôn, trừ 20.% — cước phí về phần nhà xuất bản chịu*

Thư-xã Alexandre de Rhodes
*Mới xuất bản hai cuốn :*

TRUYỆN RỪNG XANH

*Phạm-xuân-Độ phỏng-thuật*

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ-lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

*bản dịch Pháp văn của Hoàng-hữu-Xứng và A. de R.*

Bình-phẩm cuốn này, Cố Cadière đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục súc tranh công cảo tự-nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm... » dày 150 trang, khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

*mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$50*
*bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00*

Tổng phát hành
MAI-LĨNH
*21, Rue des Pipes — Hanoi*

TỦ SÁCH NGÀY MỚI

*Sắp có bán :*

# VIẾT VÀ SỐNG

khảo luận của *Nguyễn xuân Huy*

— *Tuyên ngôn của một nhà văn tiến từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa tả thực xã - hội.*
— *Nói rõ mục đích chính đáng của nhà văn trong lúc này*

*Mới có bán :*

Khổng giáo với ông Đào-duy-Anh
*nghiên cứu của Nguyễn-Diễm giá 4$00.*

*Sắp in :*

Tôn giáo và xã hội
*nghiên cứu của Ng. Hải-Âu*

TỦ SÁCH « VĂN NGHỆ MỚI »

*Đang in :*

NGÃ BA
*truyện dài của Lê mộng Cầu*
— *Truyện một thanh niên tha thiết yêu đời yêu cuộc sống và thành thực đi tìm lý tưởng*

ĐẠI HỌC THƯ XÃ
*181 Henri d'Orléans Hanoi*

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi